
TRANH CHẶN TRÊU

GIẢNG GIẢI

LỜI ĐẦU SÁCH

Tranh chẵn trâu hiện nay ở các chùa thuộc hệ Bắc tông thường có treo. Song, đa số người tu nhìn xem mà không biết ý nghĩa tượng trưng qua tranh như thế nào. Nên hôm nay tôi phải giảng dạy cho quý vị học để hiểu ý nghĩa của tranh.

Trước khi giảng, tôi dẫn lời Tựa của Trúc Thiên nói về xuất xứ của mười mục chẵn trâu cho quý vị rõ tranh xuất phát từ đâu:

Mục Ngưu Đồ là tranh chẵn trâu. Tranh ra đời từ triều đại nào, dưới ngọn bút lông nào, khó mà tra cứu cho đích xác được. Điều chắc chắn là tranh có từ xa xưa lắm, ban đầu chỉ có sáu bức, sau thất lạc luôn. Mãi đến từ đời nhà Tống, thế kỷ XII, nhiều bộ tranh mới bắt đầu xuất hiện từ các tông lâm, thiên viện, phản ảnh nhiều khuynh hướng khác nhau trong sự tu tập. Như vậy là không phải

chỉ có một bộ, mà nhiều bộ “Mục Ngư Đồ” khác nhau, tất cả đều đượm nhuần tinh thần Phật giáo Bắc tông. Trong số ấy hiện nay được truyền tụng nhất là tranh của hai họa sĩ áo nâu Thanh Cư và Quách Am.

Tuy có nhiều bộ tranh, nhưng bộ nào cũng như bộ nào, đều có mười bức, mỗi bức có một bài tụng bằng thơ tứ tuyệt và một bài chú giải bằng văn xuôi. Đó là về hình thức. Còn về tinh thần thì tranh tuy có nhiều, nhưng có thể xếp thành hai loại: loại tranh theo khuynh hướng Đại thừa và loại tranh theo khuynh hướng Thiên tông. Trong hai loại, tranh vẽ sai khác nhau hết, nhưng bài tụng và bài chú riêng cho mỗi loại vẫn không thay đổi.

Lời tựa này do Trúc Thiên nghiên cứu viết ra tương đối khá đầy đủ.

Đây là hai bộ tranh chăn trâu, một bộ vẽ theo khuynh hướng Thiên tông và một bộ vẽ theo khuynh hướng Đại thừa. Bây giờ chúng ta học mười bức tranh Thiên tông.

Kính ghi

THÍCH THANH TỪ

TRANH THIÊN TÔNG

Tựa của Quách Am

Chân nguyên chư Phật chúng sanh cũng sẵn có, nhân mê nên trầm luân tam giới, nhân ngộ chóng thoát sanh tử. Do đó, có chư Phật có thể thành, chúng sanh có thể tạo.

Thế nên các bậc tiên hiền thương xót rộng nói các đường. Lý có thiên viên, giáo chia đốn tiệm. Từ thô đến tế, từ cạn đến sâu, rốt sau chỉ trong chớp mắt, ngài Ca-diếp thấy hoa sen miệng cười chúm chím. Từ đây chánh pháp nhãn tạng được lưu thông trên trời, cõi người, nơi này, chốn khác. Người đạt được lý thì siêu tông vượt cách như đường chim không để dấu vết. Người nhận nơi sự thì kẹt câu lầm lời như rùa linh lê đuôi.

Khoảng này có thiên sư Thanh Cư xem căn cơ chúng sanh hợp bệnh cho thuốc, làm bản đồ

chăn trâu theo cơ nói giáo. Ban đầu dần dần trắng nói lên sức mạnh chưa đủ. Kế đến thuần chân tiêu biểu căn cơ từ từ soi sáng. Sau rốt người trâu chẳng thấy, tượng trưng tâm pháp cả hai đều hết, lý ấy đã tột cội nguồn, pháp kia vẫn còn che đậy, khiến kẻ căn cơ bậc trung hạ nghi ngờ phân vân rơi vào không ngờ hoặc kẹt vào thường kiến.

Nay thiên sư Tác Công nghĩ đến mô phạm của bậc tiên hiền, phát xuất từ đáy lòng mình làm mười bài tụng hay, khiến ánh sáng xen nhau ban đầu từ chỗ mất trâu, rốt đến hoàn nguyên, khéo ứng hợp quần cơ như cứu người đói khát.

Rồi Từ Viễn nương đây sư tầm diệu nghĩa, lượm lặt chỗ huyền vi, như con thủy mẫu muốn đi ăn phải nương con tôm làm dẫn đường, ban đầu từ tìm trâu, đến rốt sau buông thõng tay vào chợ.

Đó là gắng làm dậy sóng ngang sanh đầu sừng, còn không tâm có thể tìm nào có trâu có thể kiếm, đến buông tay vào chợ ma muội làm sao!

Huống là ông cha chẳng rõ, họa đến cháu con, chẳng ngại hoang đường thử làm đề xướng.

Hòa thượng Quách Am nói: Nguồn chân chư Phật, chúng sanh ai cũng có sẵn; Phật có nguồn chân ấy, chúng sanh cũng có nguồn chân ấy. Vì chúng sanh quên (mê) nguồn chân nên trầm luân trong tam giới; nếu ngộ nhận được nguồn chân sẵn có nơi mình thì chóng thoát

sanh tử. Do đó, mới có chư Phật nhận được nguồn chân đã thành Phật và chúng sanh còn tạo nghiệp nên trầm luân trong tam giới.

Thế nên, các bậc tiền hiền thương xót chúng sanh mới nói rộng các phương tiện. Những phương tiện đó lý thì có thiên và viên, giáo thì có đốn và tiệm, để cho chúng sanh tu từ cạn tới sâu, từ thô lẫn đến tế. Nhưng chủ yếu rốt sau là chỗ “đức Phật ở trong hội Linh Sơn đưa cành hoa sen lên, trong chớp mắt, ngài Ca-diếp thấy cười chúm chím”. Chính vì ngài Ca-diếp cười chúm chím nên đức Phật mới nói: “Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, pháp môn mầu nhiệm, chẳng lập văn tự, ngoài giáo lý truyền riêng, nay giao phó cho người. Người khéo gìn giữ chánh pháp này, truyền trao mãi đừng cho dứt, đến sau sẽ truyền cho A-nan.” Do sự truyền trao ấy nên ngài Quách Am nói kể từ đó thiên mới được lưu thông, truyền đi từ nơi này đến nơi khác, từ cõi người đến cõi trời. Người đạt lý thiên thì siêu vượt cả hình thức tôn giáo. Vượt cả tư cách thông thường của con người, giống như chim bay trong hư không, qua rồi không để lại dấu vết. Còn người chấp sự thì kẹt câu lầm lời giống như rùa bò kéo lê cái đuôi dưới bùn. Chẳng hạn có người hỏi tổ Lâm Tế: “Thế nào là Phật?” Ngài đáp: “Cục cứt khô.” Qua lời đáp này, đối với người thông thì biết Tổ dùng ngôn ngữ để phá chấp ngôn ngữ của người mê, nên không kẹt. Nhưng đối với người không thông thì cho rằng Tổ ăn nói thô lỗ, bất kính Phật. Họ đâu có biết lý đạo mà Tổ muốn chỉ không nằm ở lời nói tầm thường đó. Vì vậy, mà họ bị kẹt câu

lầm lời giống như rùa bỏ ở chỗ đất sinh đuôi nó kéo bết dưới đất, đi tới đâu cũng kéo một lần, không thoát khỏi dấu vết.

Lúc bấy giờ, thiên sư Thanh Cư xem căn cơ của chúng sanh, mới tùy theo bệnh mà cho thuốc. Ngài vẽ tranh chăn trâu ban đầu là trâu đen rồi trắng dần dần, để nói lên sức huân tu còn yếu chưa mạnh. Kế đến trâu trắng đã thuần chân là tiêu biểu cho căn cơ từ từ đã soi sáng. Và sau rốt chỉ là một vòng tròn trắng tượng trưng cho tâm và pháp cả hai đều hết. Pháp là dụ cho trâu, tâm là dụ người chăn. Trâu và người chăn không còn nữa, đó là tột chỗ cội nguồn rồi. Nhưng mà, còn cái che đậy là “thấy chỗ không còn người không còn trâu” thì người đời sẽ đặt câu hỏi: “Tu đến chỗ rốt ráo không còn gì hết, rơi vào không ngơ sao? Hoặc mãi mãi là không thì rơi vào thường kiến?” Ngài Thanh Cư chỉ vẽ tới vòng tròn trắng, không còn trâu, không còn người chăn. Các bậc hiền trí sợ hàng hạ căn trung căn sanh nghi ngờ nên thiên sư Tắc Công họa mục 9 là Phản bản hoàn nguyên, tranh vẽ lá rụng về cội, chim bay về tổ và làm tụng. Phản bản hoàn nguyên là trở về nguồn cội sẵn có của mình nói lên ý nghĩa người tu đã vào được cảnh giới của Phật, để giải nghi.

Sau ngài Từ Viễn họa thêm mục 10. Vì, nếu tu đến chỗ phản bản hoàn nguyên rồi mà im lìm trong đó thì chưa đúng tinh thần tự giác giác tha giác hạnh viên mãn. Nên ngài diễn tả suốt lý thiên: Người tu thiên là người sẵn sàng lao mình để cứu độ chúng sanh,

chứ không phải vào được cảnh giới Phật là để an nghỉ. Nên họa ra mục thứ 10 Thông tay vào chợ để tiêu biểu công hạnh giáo hóa chúng sanh của người tu thiền đến chỗ viên mãn.

Tranh chặn trâu từ mục thứ 1 Tìm trâu tới mục thứ 8 Không còn trâu không còn người chặn là do thiền sư Thanh Cư họa. Kế đó, ngài Tác Công họa thêm mục thứ 9 là Phản bản hoàn nguyên và làm tụng. Sau cùng, ngài Từ Viễn họa tiếp mục 10 là Thông tay vào chợ.

Ngài Quách Am bình: Chỗ rớt ráo không hình tướng vốn thanh tịnh sẵn vậy, mà gắng tạo ra hình tướng, đó là làm cho dậy sóng. Tâm vốn thanh tịnh không hình tướng, bỗng dựng vẽ ra hình tướng, giống như dầu sừng mọc ra không manh mối. Tâm không hình tướng làm sao có thể tìm, hướng là có trâu để tìm kiếm! Cho tới buông thông tay vào chợ, đó là việc làm rất là ma muội, lừa gạt người.

Ngài chê họa ra con trâu, thằng chặn là việc làm ma muội lừa gạt người. Nhưng ngài lại khen: Không phải các bậc tiền bối không biết việc đó, nhưng vì quá từ bi tạo ra phương tiện để cho người sau dễ thấy mà thứ tự tu hành. Song, người sau không hiểu, nhân đó mà chấp hình tướng, nên nói “ông cha không rõ, họa đến cháu con”. Ngài nói họa ra tranh ảnh là chuyện hoang đường, nhưng ngài thì không ngại, nên làm đề xứng.

Trong nhà thiền thường dùng câu “ông cha chẳng rõ, họa đến cháu con” để khen ngợi tổ Bồ-đề-đạt-ma. Vì ngài đã đem hết tâm tư, sức lực để làm lợi ích cho

chúng sanh. Ngài dám liều chết vượt biển cả, đi từ Ấn Độ sang Trung Hoa để truyền thiên cho tổ Huệ Khả, lần đến Lục tổ Huệ Năng... Ngài là người từ bi đáo đẽ, vì đạo vì chúng sanh, không ngại gian khổ hiểm nguy, đây nói là “ông cha không rõ”, khen Tổ mà nói như thế đó! Nhờ ngài truyền thiên nên bây giờ chúng ta mới biết để tu mà nói “họa đến cháu con”. Đó là ngôn ngữ đặc biệt của nhà thiên, nếu nghe mà chấp lời thì không hiểu gì cả và cũng không thông lý thiên.



Tranh Thiên Tông 1

TÌM TRÂU



尋
牛 Tầm ngưu

Dẫn:

Từ lâu chẳng mất đâu cần kiếm tìm, do trái tánh giác trở thành xa cách, bởi theo vọng trần bèn thành khuất lấp. Quê nhà dần xa lối rẽ chột lằm, được mất dấy lên phải quấy đua khởi.

Giảng:

Từ lâu chẳng mất đâu cần kiếm tìm. Tánh giác có sẵn nơi mỗi người, lúc nào cũng hiển lộ nơi sáu căn, không khi nào mất thì cần gì kiếm tìm.

Do trái tánh giác trở thành xa cách. Học kinh luận, nghe Phật tổ nói mỗi chúng sanh có sẵn tánh giác, nên kiếm tìm, nhưng không biết nó ở đâu mà tìm. Sở dĩ không biết là vì tánh giác thì không hình tướng hằng hữu ở nơi mình, mà mình không xoay lại, cứ chạy theo cảnh vật hữu tướng ở bên ngoài, nên trái tánh giác trở thành xa cách.

Bởi theo vọng trần bèn thành khuất lấp. Hằng ngày chúng ta sống, sáu căn tiếp xúc với sáu trần, khởi vọng niệm phân biệt chạy theo trần cảnh, khiến tánh giác bị che mờ, nên nói là khuất lấp. Ví như có một quê hương rất thanh bình, người người sống hòa vui hạnh phúc, bỗng dưng có người phóng đặng rời bỏ quê hương phiêu lưu lang bạt nơi này nơi kia... Trải qua nhiều năm, đi mãi, càng đi càng xa cách quê hương. Bỗng một phút giây chợt tỉnh nhớ, họ muốn trở về quê hương, nhưng đường về cách xa diệu vợi, có nhiều đường mòn lối rẽ quanh co, họ không biết phải đi lối nào!

Được mất dấy lên phải quấy đưa khởi. Sở dĩ mỗi người có tánh giác mà không nhận ra được là vì khi căn tiếp xúc với trần cảnh, tâm liền khởi niệm phân biệt cái này đẹp cái kia xấu, cái đẹp thì ưa thích tìm cách tạo sắm cho được, khi được rồi thì lo bảo quản gìn giữ. Một thời gian cái đẹp đó mất đi thì buồn rầu khổ sở, kiếm tìm... Hoặc khi tiếp xúc với người, ai tử tế thì cho là tốt (phải), ai tệ bạc thì cho là xấu (quấy). Và cứ tiếp xúc là có phải quấy được mất dấy khởi không dừng... Chúng ta học Phật, ai cũng biết mình có chân tâm, nhưng không sống được với chân tâm là tại vì đối duyên xúc cảnh cứ khởi niệm được mất, phải quấy, hơn thua, tốt xấu... nên không nhận ra cái chân thật. Tôi chỉ cái được cái mất rất nhỏ làm cho tâm người bất an cho quý vị thấy. Ví dụ, một hôm Thiên viện tổ chức cho chúng tăng đi Đà Lạt chơi, có ít người không được đi, vì xe quá chật không chở hết. Những người bị ở nhà buồn lòng, xúm nhau lại bàn việc thiệt thòi của mình, lòng ức ức, buồn buồn tối ngủ không được. Tới khi chúng tăng đi Đà Lạt về, lòng cũng còn tiếc tiếc buồn buồn. Chỉ mất có chút xíu là mất đi chơi, cái mất không có thiệt thòi nhiều mà tâm người đã buồn rồi như thế. Nếu bị mất lớn như mất cha mất mẹ, mất nhà mất cửa chẳng biết loạn động đến đâu! Đó là cái mất. Đây là cái được, ví dụ trời oi bức quá, quý thầy muốn đi Vũng Tàu tắm biển, nhưng không có tiền để thuê xe nên ở nhà. Bất thần có một Phật tử cho mượn xe chở các thầy đi tắm biển. Được xe chở đi chơi các chú vui mừng rộn rã, lòng mừng rộn rã mấy chú ngủ cũng không yên, mong cho mau sáng để đi Vũng Tàu.

Vậy, chỉ được cái được nhỏ là đi Vững Tàu chơi và mất cái mất nhỏ là không được đi Đà Lạt chơi, mà tâm người đã lộn xộn rồi! Nếu được cái được lớn như danh vị tiền tài trong xã hội, hay mất lớn như mất cha mẹ, con cái, tài sản... thì rối loạn khổ đau dường nào! Bởi thế nên con người khổ vì cái được cái mất.

Bây giờ tới cái phải cái quấy. Ở trong chùa mọi người chúng ta ai cũng biết tu, thế mà thỉnh thoảng cũng có phiền não với nhau. Tại sao vậy? Tại vì thấy mình nghĩ phải nói phải làm phải, mà người khác cãi lại không chịu làm theo nên tức giận. Và thấy họ làm sai quấy mà cản ngăn không được cũng tức giận. Đó là thấy phải thấy quấy là cái nhân tức giận buồn phiền. Như vậy, tâm chúng ta không chân là do “được mất, phải quấy” che khuất, nên tìm tâm không được. Nói được mất, phải quấy là nói lược, nói đủ là thấy phân biệt hai bên đối đãi. Đây dụ niệm phân biệt được mất, phải quấy... là lùm cây đấm rừng che khuất con trâu. Người tu bỏ ngõ tìm tâm dụ cho chú mục đồng cầm roi tìm trâu, đứng bơ vơ ngơ ngác, nhìn trời nhìn mây không biết trâu ở đâu để tìm.

Tụng:

忙 忙 撥 草 去 追 尋
 水 闊 山 遙 路 更 深
 力 盡 神 疲 無 處 覓
 但 聞 楓 樹 晚 蟬 吟

*(Mang mang bát thảo khứ truy tâm
Thủy khoát sơn dao lộ cánh thâm
Lực tận thân bì vô xứ mịch
Đản văn phong thọ văn thiên ngâm.)*

**Nao nao vạch cỏ kiếm tìm trâu
Núi thăm đường xa nước lại sâu
Kiệt sức mệt nhòai tìm chẳng thấy
Chỉ nghe réo rắt giọng ve sầu.**

Giải:

Mang mang bát thảo khứ truy tâm.

Mang mang là nao nao, *bát thảo* là vạch cỏ, *khứ truy tâm* là đi tìm kiếm, nghĩa là chú mục đồng lòng nao nao bồn chồn vạch cỏ vạch bụi để tìm kiếm trâu.

Thủy khoát sơn dao lộ cánh thâm.

Thủy khoát là nước rộng, *sơn diêu* là núi xa, *lộ cánh thâm* là đường lại sâu, nghĩa là chú mục đồng lộ qua suối sâu, trèo lên núi cao, vượt qua đường dài xa thăm.

Lực tận thân bì vô xứ mịch.

Lực tận là sức hết, *thân bì* là tinh thần mỗi mệt, *vô xứ mịch* là không biết chỗ, nghĩa là sức chú mục đồng đã kiệt, tinh thần chú đã mỗi mệt. Song, chú vẫn chẳng biết trâu ở đâu để tìm.

Đản văn phong thọ văn thiên ngâm.

Đản văn là chỉ nghe, *phong thọ* là cây phong, *văn thiên ngâm* là ve ngâm buổi chiều, nghĩa là trời chiều giữa cảnh rừng rậm, chú mục đồng chỉ nghe tiếng ve ngâm trên cành cây phong.

Chúng ta học là để chiêm nghiệm bước tu tiến của mình, chứ không phải học hiểu suông.



Tranh Thiền Tông 2

THẤY DẤU



見
跡 Kiến tích

Dẫn:

Nương kinh để hiểu nghĩa, xem giáo lý tìm dấu vết. Biết rõ vòng xuyên... đều là vàng, cả thấy muôn vật là chính mình. Chánh tà chẳng cần biện biệt, chân ngụy đâu cần phân chia. Chứa vào cửa này tạm nói là Thấy dấu.

Giảng:

Thấy dấu là sao? Nói rằng:

Nương kinh để hiểu nghĩa, xem giáo lý tìm dấu vết. Chúng ta nhờ xem kinh học giáo lý, nghe Phật nói mình có sẵn tánh giác, chỉ biết sông tin sông theo lời Phật dạy, chứ tự mình chưa tận mặt nhận ra. Người tu ở giai đoạn này tạm gọi là Thấy dấu.

Biết rõ vòng xuyên... đều là vàng, cả thấy muôn vật đều là chính mình. Tất cả đồ trang sức như vòng, xuyên, nhẫn, hoa tai... tuy hình dạng có sai khác, nhưng thể của nó vẫn là vàng. Tâm thể tròn sáng có sẵn nơi mỗi người là nguồn cội sanh ra muôn pháp muôn vật, nên nói cả thấy muôn vật là chính mình.

Chánh tà chẳng cần biện biệt, chân ngụy đâu cần phân chia. Tâm thể chân thật không hình không tướng, nên ý nghĩ lời nói không thể nghĩ bàn được. Người tu hằng sống được với tâm thể chân thật của mình rồi, khi đối duyên xúc cảnh không còn phân biệt đây là chánh kia là tà, không còn phân chia đây là chân kia là ngụy. Vì tất cả pháp đều là dụng của tâm.

Chưa vào cửa này tạm nói là Thấy dấu. Người chưa tự nhận ra tâm thể chân thật của mình mà nhờ lời Phật tổ dạy trong kinh luận, tin rằng mình sẵn có tâm thể ấy, nên tạm nói là Thấy dấu.

Tụng:

水邊林下跡偏多
芳草離披見也麼
縱是深山更深處
遼天鼻孔怎藏他

*(Thủy biên lâm hạ tích thiên đa
Phương thảo ly phi kiến dã ma
Túng thị thâm sơn cánh thâm xứ
Liêu thiên tỷ không chẩm tàng tha.)*

**Ven rừng bên nước dấu liên hồi
Vạch cỏ ruồng cây thấy được thôi
Vĩ phải non sâu lại sâu thăm
Ngát trời lỗ mũi hiện ra rồi.**

Giảng:

Thủy biên lâm hạ tích thiên đa.

Thủy biên là bên bờ suối, *lâm hạ* là mé rừng, *tích thiên đa* là dấu rất nhiều, nghĩa là bên bờ sông, bên bờ suối, dưới mé rừng, chú mục đồng thấy có rất nhiều dấu chân trâu. Vì thấy dấu chân trâu, nên chú tin chắc chắn có trâu và sẽ tìm ra trâu.

Phương thảo ly phi kiến dã ma.

Phương thảo là cỏ thơm, *ly phi* là vạch tìm, *kiến dã ma* là thấy hay chẳng, nghĩa là chú mục đồng vạch cỏ cây lùm bụi để tìm trâu, vì chú đã thấy dấu chân trâu, chú cho rằng trâu sẽ ở đâu đây.

Túng thị thâm sơn cánh thâm xứ.

Túng thị là dù cho, *thâm sơn* là núi sâu, *cánh thâm xứ* là lại là chỗ sâu thẳm, nghĩa là dù cho chỗ núi sâu, sâu thẳm.

Liêu thiên tỹ khổng chấm tàng tha.

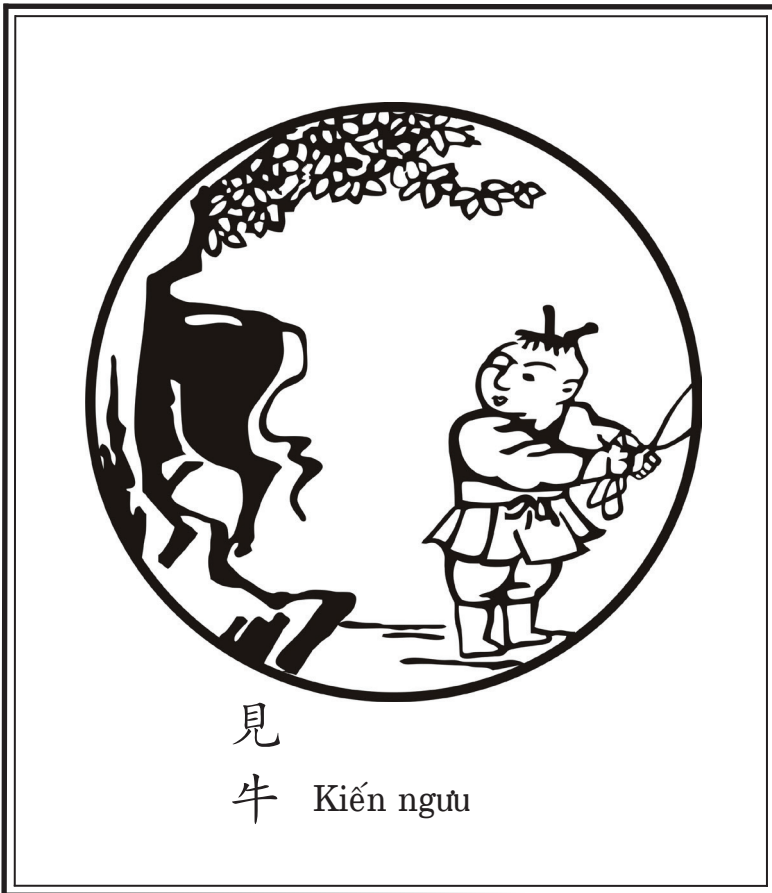
Liêu thiên là chọc trời, *tỹ khổng* là lỗ mũi, *chấm tàng tha* là không giấu được, nghĩa là lỗ mũi cao ngất trời giấu đâu được nữa. Tức là chú mục đồng đã thấy dấu chân trâu rồi nhất định sẽ thấy trâu không nghi ngờ.

Lời Phật dạy trong kinh, lời tổ dạy trong luận, trong ngữ lục là mỗi chúng sanh đều có sẵn tánh giác. Do tin Phật tổ không nói dối nên gắng sức tu tập theo lời Phật tổ dạy, không sớm thì muộn chắc chắn sẽ thành Phật.



Tranh Thiên Tông 3

THẤY TRÂU



見
牛 Kiến ngừ

Dẫn:

Từ tiếng được vào, chỗ thấy liền đúng. Cửa sáu căn rành rõ không sai, trong động dụng rành rành hiển lộ. Chát muối trong nước, sắc xanh trong keo. Vén chân mày lên chẳng phải vật khác.

Giảng:

Từ tiếng được vào, chỗ thấy liền đúng. Khi nghe tiếng, tâm không chạy theo tiếng khởi phân biệt hay dở; nhân khi nghe tiếng nhận ra mình có tánh nghe (phản văn văn tự tánh) đó là từ cửa Quan Âm vào. Ở nơi mắt có sẵn tánh thấy là thể chân thật; ở nơi mũi, ở nơi lưỡi... cũng có sẵn thể chân thật, nên nói:

Cửa sáu căn rành rõ không sai. Nơi mỗi người ai cũng có sáu cửa đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý lúc nào tánh giác chân thật cũng hiện tiền, cho nên lúc nào cũng thấy cũng nghe... rành rõ không bao giờ mất.

Trong động dụng rành rành hiển lộ. Tánh giác hiển hiện trong mọi động dụng của sáu căn nơi mỗi người không lúc nào thiếu vắng. Nhưng, vừa động dụng là có vọng thức xen lẫn, nên người loạn động, không nhận ra được. Đây dùng ví dụ:

Chát muối trong nước, ngay trong nước biển có muối mà ít người biết ít người tin, phải chờ đem nước lên ruộng, nước bốc hơi, muối đọng lại, thấy muối mới tin trong nước có muối. Cũng vậy, khi thấy sự vật chúng ta liền phân biệt cái này đẹp cái kia xấu, chúng ta chỉ biết

có cái tâm phân biệt đẹp xấu, mà không biết tánh giác chân thật đang hiện diện ngay đó, cũng như muối lúc nào cũng có trong nước.

Sắc xanh trong keo, ví dụ màu xanh hòa nấu với da súc vật thành a dao; trong đó, hai chất ấy có lẫn trong nhau, chúng ta không phân biệt được cái nào là màu xanh cái nào là a dao. Cũng giống khi căn tiếp xúc với trần, chúng ta không nhận ra tánh thấy, tánh nghe... là thể chân thật đang hiện diện, mà chỉ biết có nhãn thức hoặc nhĩ thức... phân biệt đẹp xấu hay dở. Ngay nơi sáu căn có sẵn thể tánh chân thật, nếu nhận được thể tánh chân thật đây gọi là Thấy trâu.

Vén lông mày lên chẳng phải vật khác. Vén lông mày lên thì “mắt sáng rõ”. Thấy trâu là nhận được nơi mình có thể tánh chân thật, lúc nào cũng hiển lộ nơi sáu căn.

Tụng:

黃 鸝 枝 上 一 聲 聲
日 暖 風 和 岸 柳 青
只 此 更 無 回 避 處
森 森 頭 角 畫 難 成

*(Hoàng ly chi thượng nhất thanh thanh
Nhật noãn phong hòa ngạn liễu thanh
Chỉ thử cánh vô hồi ty xứ
Sâm sâm đầu giác họa nan thành.)*

**Hoàng anh cất tiếng hót trên cành
 Nắng ấm gió hòa bờ liễu xanh
 Chỉ thế, không nơi xoay trở lại
 Đầu sừng rành rõ vẽ khôn thành.**

Giảng:

Hoàng ly chi thượng nhất thanh thanh.

Hoàng ly là chim hoàng oanh, *chi thượng* là trên cành cây, *nhất thanh thanh* là từng tiếng một, nghĩa là trên cành cây chim hoàng oanh hót từng tiếng từng tiếng.

Nhật noãn phong hòa ngạn liễu thanh.

Nhật noãn là mặt trời ấm, *phong hòa* là gió mát, *ngạn liễu thanh* là bờ liễu xanh, nghĩa là trời ấm gió mát, trên bờ có hàng liễu xanh.

Chỉ thử cánh vô hồi ty xứ

Chỉ thử là chỉ đây, *cánh vô* là lại không, *hồi ty xứ* là chỗ xoay lại tránh đi, nghĩa là chỉ đây, lại không có chỗ nào xoay lại được nữa.

Sâm sâm đầu giác họa nan thành

Sâm sâm là rậm rạp, *đầu giác* là đầu sừng, *họa nan thành* là khó vẽ được, nghĩa là rõ ràng trâu hiện đầu sừng ra rồi mà vẽ không được.

Mỗi người chúng ta, ngay khi mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm không khởi phân biệt đẹp xấu, hay dở... thấy chỉ thấy,

nghe chỉ nghe... ngay khi đó tánh thấy tánh nghe... đang hiện hữu rõ ràng, biết mà không diễn tả được.

Mục 1, mục 2, mục 3 rất gần gũi với trình độ tiến tu của chúng ta hiện tại. Người tin mình có tánh giác là tới, người chưa tin còn ngỡ là chưa tới.



Tranh Thiên Tông 4

ĐƯỢC TRÂU



得
牛 Đắc trâu

Dẫn:

Vùi lấp ngoài đồng hoang đã lâu, ngày nay gặp được y. Do cảnh đẹp nên khó đuổi, mển cỏ non chẳng chịu thối. Tâm ngang ngạnh khá mạnh, tánh hoang dã vẫn còn. Muốn được thuận hòa cần phải roi vọt.

Giảng:

Vùi lấp ngoài đồng hoang đã lâu, ngày nay gặp được y. Mọi người ai cũng có tâm thể chân thật, mà bị thức tình vọng tưởng phủ che nhiều đời nhiều kiếp. Giống như con trâu bị cỏ cây lau sậy che lấp ngoài đồng hoang. Nay tuy đã nhận ra được tâm thể chân thật của chính mình, vậy mà khi nghe nói trái tai thì sân si liền dậy khởi... chỉ nghe toàn tiếng hơn thua phải quấy, chứ không nhớ mình có tánh nghe là tâm thể chân thật đang hiện hữu, cho nên đây nói bị che lấp ở ngoài đồng hoang. Ngày nay tuy gặp được trâu, nhưng:

Do cảnh đẹp nên khó đuổi, mển cỏ non chẳng chịu thối. Vì trâu còn mê cảnh đẹp, đuổi nó không chịu về, thích cỏ non cứ mãi mê ăn chẳng chịu thối. Chú mục đồng xô mũi kéo, nó không chịu quay đầu. Tánh thấy, tánh nghe tự nó không đuổi theo ngoại cảnh chỉ vì thức tình vọng tưởng phủ che làm mờ đi nên không thể hiển lộ.

Tâm ngang ngạnh khá mạnh, tánh hoang dã vẫn còn. Tuy đã được trâu rồi nhưng chưa cưỡi được nó vì tánh trâu còn ngang ngạnh quen sống theo cảnh hoang dã khó điều phục. Cũng vậy, tuy nhận ra tánh giác rồi,

nhưng chưa xong việc mà phải bảo nhậm cho tánh giác luôn luôn hiện hữu thanh tịnh. Song, bảo nhậm không dễ dàng, vì tập khí lâu đời khó bỏ, mắt thấy sắc liền phân biệt tốt xấu, tai nghe tiếng liền phân biệt hay dở... mà không nhớ mình có tánh thấy tánh nghe, cứ rong ruổi theo tình thức, ngông cuồng chạy ngược chạy xuôi, điều phục thật là khó khăn.

Muốn được thuần hòa cần phải roi vọt. Muốn cho con trâu ngang ngạnh trở nên thuần hòa thì chú mục đồng phải dùng dây xỏ mũi, dùng roi đánh mỗi khi nó trở chứng ngang ngạnh. Người tu cũng vậy, muốn cho tâm an tịnh, không chạy theo trần cảnh thì khi thấy vọng niệm dấy khởi chạy ngược chạy xuôi thì phải rầy: “Mày là vọng tưởng không thật, tao không theo mày.” Nếu nó không lặng, cứ dấy khởi hoài thì la: “Tao đã biết rõ mày là vọng tưởng, mày đã dẫn tao đi mãi trong luân hồi sanh tử, hôm nay muốn dẫn xuống địa ngục nữa sao? Tao không đi đâu...” Rầy la như vậy gọi là roi vọt trừng trị tâm thức ngông cuồng. Đó là hình ảnh diễn tả tâm thức cuồng loạn chạy đông chạy tây khó điều phục. Nhưng cách diễn tả này có chỗ không hợp nhất, con trâu chỉ cho tánh giác chân thật, hễ chân thật thì không chạy; do tình thức vọng động ngăn che, chứ cái chân thật không có chạy. Đây mượn hình ảnh con trâu ngang ngạnh ngông cuồng khó chặn giữ, để nói lên sự bảo nhậm tâm chân thật hằng hiển lộ thật là khó khăn.

Tụng:

竭盡神通獲得渠
心強力壯卒難除

有時纔到高原上
又入烟雲深處居

*(Kiệt tận thân thông hoạch đắc cừ
Tâm cường lực tráng tốt nan trừ
Hữu thời tài đáo cao nguyên thượng
Hựu nhập yên vân thâm xứ cư.)*

**Dùng hết thân thông bắt được y
Tâm hùng sức mạnh khó khăn gì
Có khi vừa hưởng cao nguyên tiến
Lại xuống khói mây mãi nằm ỳ.**

Giảng:

Kiệt tận thân thông hoạch đắc cừ.

Kiệt tận là hết sạch, *thần thông* là sức mạnh vô ngại của tinh thần, không thể lường được, *hoạch đắc cừ* là bắt được nó, nghĩa là chú mục đồng tận dụng hết sức lực mới bắt được trâu, xỏ mũi cột vàm.

Tâm cường lực tráng tốt nan trừ.

Tâm cường là tâm mạnh, *lực tráng* là sức khỏe, *tốt nan trừ* là trọn khó trừ, nghĩa là trâu còn ngang ngạnh cứng cỏi, sức lại mạnh mẽ nên khó chế ngự điều phục.

Hữu thời tài đáo cao nguyên thượng.

Hữu thời là có lúc, *tài đáo* là vừa đến, *cao nguyên thượng* là trên cao nguyên, nghĩa là có lúc nó vừa đến trên cao nguyên.

Hựu nhập yên vân thâm xứ cư.

Hựu nhập là lại vào, *yên vân* là mây khói, *thâm xứ cư* là ở chỗ sâu, nghĩa là có lúc lại chui vào ở trong mây khói sâu dày.

Người tu phải tận lực huân tu mới nhận ra thể tánh chân thật của mình. Tuy đã nhận ra, nhưng nó không thường hiển lộ, vì tập khí lâu đời nên mỗi khi căn tiếp xúc với trần, liền phân biệt tốt xấu, hay dở... chứ không nhớ mình có “Cái biết không phân biệt”, cứ thế chạy theo trần cảnh khởi vô số vọng niệm khó mà điều phục. Cao nguyên dụ cho tâm thể chân thật đang hiển hiện, mây khói dụ cho thức tình vọng tưởng. Có khi tâm thể chân thật mới vừa hiện ra chưa được ba phút, nó lại ẩn trong đám mây mờ vọng tưởng. Bị vọng tưởng che phủ, nó không hiện nữa, giống như con trâu lên cao nguyên đứng thì dễ thấy, nếu nó lủi vô đám sương mù thì mất hút.

Tâm chúng ta cũng vậy, mới vừa tỉnh lặng nó hiển hiện, bất chợt vọng niệm dấy khởi liền che khuất, thật lâu mới tỉnh lặng nó hiển hiện lại, hiện trong phút chốc bị vọng tưởng che nữa. Dùng hình ảnh cụ thể vô cùng, bắt được trâu nắm cổ nó, vừa thấy đó, một lát nó chui đầu mất, để nói lên cái khó khăn của sự bảo nhiệm tâm chân thật. Diễn tả được chỗ này thật là kỳ tài! Tu đến đây là đi được một phần tư đường.



Tranh Thiên Tông 5

CHĂN TRÂU



牧
牛 Mục ngu

Dẫn:

Nghĩ trước vừa dấy, niệm sau liền theo. Do giác nên được thành chân, bởi mê nên làm thành vọng. Chẳng phải do cảnh có, chỉ tự do tâm sanh. Dây mũi nắm chặt không cho toan tính.

Giảng:

Nghĩ trước vừa dấy, niệm sau liền theo. Chúng ta đang ngồi đây vừa khởi nghĩ đi thành phố, liền có những ý niệm về thành phố, đi chùa này thăm thầy A, đến chùa kia thăm thầy B, niệm này vừa dứt, niệm khác dấy khởi... ít nhất cũng mất mười phút.

Do giác nên được thành chân, bởi mê nên làm thành vọng. Niệm vừa khởi liền biết nó là vọng tưởng không theo, vọng tưởng lặng thì thành chân. Nếu mê, niệm khởi chạy theo niệm, niệm này tiếp niệm kia nên làm thành vọng. Chỗ này diễn đạt đầy đủ ý nghĩa của sự tu hành: niệm khởi, ngay đó liền giác thì thành chân, nếu mê chạy theo niệm thì thành vọng. Vì thế nên Lục Tổ nói: “Không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm” là ý này vậy.

Chẳng phải do cảnh có, chỉ tự do tâm sanh. Ví dụ khi lên bồ đoàn ngồi thiền, tâm chúng ta không có cảnh vật gì cả. Vậy mà ngồi một chút nhớ chuyện năm xưa, nghĩ chuyện năm tới, đủ mọi cảnh vật hiện ra. Đó là không đợi có cảnh mới dấy niệm mà chính nơi tâm sanh khởi niệm và sanh khởi hoài. Vậy nên phải:

Dây mũi nắm chặt không cho toan tính. Tuy con trâu đã theo chú mục đồng, nhưng chú không dám buông dây mũi, vì sợ nó chạy bậy vào lúa mạ người. Cũng vậy, chúng ta tuy biết rõ ràng ý niệm là vọng tưởng, không phải là tánh giác chân thật của chính mình, khi nó dấy lên liền biết, nó liền lặng thành chân, còn nếu chạy theo nó thì thành vọng. Vì vậy phải tỉnh giác, chăm chăm mà nhìn. Chăm chăm nhìn nó là nắm chặt dây mũi, không cho toan tính gì cả. Nó vừa dấy lên, chúng ta liền biết không theo, cũng giống như con trâu vừa ngoảnh cổ thì chú mục đồng liền giật dây mũi. Như vậy lâu ngày nó mới thuần thục.

Tụng:

鞭策時時不離身
 恐伊縱步入埃塵
 相將牧得純和也
 羈鎖無抑自逐人

*(Tiên sách thời thời bất ly thân
 Khủng y túng bộ nhập ai trần
 Tương tương mục đắc thuần hòa dã
 Kỳ tỏa vô ức tự trục nhân.)*

**Nắm chặt dây roi chẳng lìa thân
 Ngại y chạy sống vào bụi trần
 Chăm chăm chăn giữ đã thuần thuận
 Dây mũi buông rồi vẫn theo gần.**

Giảng:

Tiên sách thời thời bất ly thân.

Tiên sách là dây roi, *thời thời* là luôn luôn, *bất ly thân* là không rời thân, nghĩa là chú mục đồng luôn luôn nắm roi dây trong tay không bao giờ rời.

Khủng y túng bộ nhập ai trần.

Khủng y là sợ nó, *túng bộ* là bước càn, *nhập ai trần* là vào bụi bặm, nghĩa là sợ trâu nhảy vọt vào lùm vào bụi. Nếu trâu chúng ta thường nhảy vào lùm bụi thì phải cầm roi, giữ dây mũi cho chặt, nếu không thì nó nhảy vọt vào trong bụi trần.

Tương tương mục đắc thuận hòa dã.

Tương tương là luôn với nhau, *mục đắc* là chăn được, *thuận hòa dã* là điều thuận vậy, nghĩa là luôn luôn chăn cho thật kỹ, bao giờ trâu được điều thuận rồi thì:

Ky tỏa vô ức tự trục nhân.

Ky tỏa là cái vàm cột chặt, *vô ức* là không kìm chế, *tự trục nhân* là tự theo người (mục đồng), nghĩa là khi trâu đã thuận rồi, chú mục đồng buông dây vàm không kìm chế trâu nữa, tự nó cũng đi theo chú.

Tuy đã nhận ra thể tánh chân thật, nhưng vọng niệm vẫn còn dấy khởi nên phải thường xuyên phản tỉnh, niệm dấy liền biết, không theo. Thường xuyên tỉnh giác như thế lâu ngày tâm sẽ thuần, chừng đó muốn khởi niệm thì khởi, không muốn khởi thì tâm lặng lẽ thanh tịnh. Tu tới đây là khá rồi!



Tranh Thiên Tông 6

CƯỠI TRÂU VỀ NHÀ



歸騎

家牛 Ky ngưú quy gia

Dẫn:

Can qua đã hết, được mát về không. Hát khúc ca ông tiêu, thổi bản nhạc chú mục đồng. Ngồi ngang trên lưng trâu, mắt ngắm trời mây. Kêu gọi không xoay đầu, kéo lôi chẳng đứng.

Giảng:

Can qua đã hết, được mát về không. Tới đây trâu không còn sải chân chạy bậy, chú mục đồng không còn nắm dây mũi kéo lại, chú mục đồng và trâu không còn giằng co nữa, cuộc chiến giữa mục đồng và trâu đã hết rồi. Vì trâu đã thuần, không cần đánh đập, không cần ghì kéo. Lúc đó được mát không còn quan tâm, tức là tâm không còn bị việc được mát chi phối. Vì thấy được mát là không thật, chỉ là giả lập, thì có gì phải bận lòng lo buồn.

Hát khúc ca ông tiêu, thổi bản nhạc của chú mục đồng. Ngồi ngang trên lưng trâu, mắt ngắm trời mây. Mọi việc thanh suy của cuộc đời chú mục đồng không bận lòng, do đó tâm được thư thả nhàn hạ, nên mới thổi nhạc của kẻ chăn trâu, hát bài ca của người đốn củi, tâm bình thản ngắm nhìn trời mây, chú không còn bị ngoại cảnh chi phối nữa.

Kêu gọi không xoay đầu, kéo lôi chẳng đứng. Trâu đã thuần, chú mục đồng cưỡi trâu thổi sáo, thẳng đường về nhà, ai kêu gọi chú cũng không xoay đầu, ai kéo lôi chú cũng không đứng lại. Cũng vậy, người tu khi tâm được thanh tịnh bình an thì dù cho ngoại duyên

có quyền rũ lồi cuốn hay làm xúc não, lòng cũng không
vướng bận buồn phiền, vẫn bình thản vô tư sống với đạo.

Tụng:

騎牛迤邐欲還家
羗笛聲聲送晚霞
一拍一歌無限意
知音何必鼓唇牙

*(Kỳ ngư dĩ lý dục hoàn gia
Khương địch thanh thanh tống vãn hà
Nhất phách nhất ca vô hạn ý
Tri âm hà tất cổ thân nha.)*

**Cưỡi trâu thong thả trở về nhà
Tiếng sáo vi vu tiễn vãn hà
Một nhịp một ca vô hạn ý
Tri âm nào phải động môi à.**

Giải:

Kỳ ngư dĩ lý dục hoàn gia.

Kỳ ngư là cưỡi trâu, *dĩ lý* là men theo vệ đường, *dục hoàn gia* là muốn trở về nhà, nghĩa là chú mục đồng cưỡi trâu đi bên vệ đường để trở về quê nhà.

Khương địch thanh thanh tống vãn hà.

Khương địch là ống sáo, *thanh thanh* là tình tiết, *tống vãn hà* là tiễn ráng chiều, nghĩa là tiễn biệt trời chiều miệng chú thổi sáo vi vu.

Nhất phách nhất ca vô hạn ý.

Nhất phách là một nhịp, *nhất ca* là một câu ca, *vô hạn ý* là ý vô hạn, nghĩa là chú mục đồng tay gõ nhịp miệng ca câu ca tuyệt vời.

Tri âm hà tất cố thân nha.

Tri âm là biết tiếng, *hà tất* là đầu cần, *cố thân nha* là động môi răng, nghĩa là trâu đã trở thành bạn tri âm của chú mục đồng, chú đầu nó đó, chú không cần la hét nó nữa.

Nếu chúng ta tu tới đây, tất cả mọi thị phi gác bỏ ngoài tai, được mất không bận lòng thì cười cả ngày. Từ mục 5 trở lại chúng ta có thể có phần, mục 6 thì chưa tới, song cũng nên biết để mà tiến lên.



Tranh Thiên Tông 7

QUÊN TRÂU CÒN NGƯỜI



存忘

人牛 Vong ngư tồn nhân

Mục 7 là Mất trâu, chú mục đồng ngòi thánh thơi một mình, trên không trung có mặt trăng hiện ra. Tu tới đây, vọng không còn thì chân cũng mất, vì do đối đãi giả lập danh tướng, nhưng còn trí giác xem chừng, nên mất trâu còn người.

Dẫn:

Pháp không hai pháp, trâu gọi là tâm. Dụ tên khác của thỏ bầy, bày sai biệt của cá nôm. Như vàng ra khỏi khoáng, tờ trắng không mây. Một đường quang sáng, ngoài kiếp Oai Âm.

Giảng:

Pháp không hai pháp, trâu gọi là tâm. Tâm thể chân thật không hình tướng, vượt ra ngoài đối đãi hai bên, nên nói là pháp không hai. Trâu chỉ cho tâm hay gọi là Thiên.

Dụ tên khác của thỏ bầy, bày sai biệt của cá nôm. Người bầy thỏ làm cái bầy để bắt thỏ, con thỏ và cái bầy khác nhau. Khi làm cái bầy gài thỏ thì gọi là bầy thỏ, nhưng cái bầy không có thỏ. Nghĩa là cái bầy là cái bầy, con thỏ là con thỏ. Như cái nôm dùng để bắt cá, gọi là nôm cá, sự thật thì cái nôm không phải là con cá. Cũng vậy, con trâu tượng trưng cho tâm thể, tâm không phải là con trâu. Mượn ngôn từ con trâu nói na ná cho người hiểu để nương theo đó mà tu tập. Người tu đến đây rồi:

Như vàng ra khỏi khoáng, tợ trăng không mây.
 Vàng đã lọc rồi thì thuần là vàng, không còn có cát sạn lẫn lộn, cũng như trời trong không mây, mặt trăng sáng rõ. Người tu đến đây, tâm thanh tịnh sáng suốt không bị vẩn đục bởi tình thức loạn tưởng, giống như vàng ròng hay mặt trăng sáng trong đêm không mây.

Một đường quang sáng, ngoài kiếp Oai Âm. Lúc bấy giờ chỉ còn một tâm thể thanh tịnh sáng suốt, không chút vọng tưởng xen tạp, nên xuyên suốt cả không gian và thời gian, đối với không gian thì thấy không có giới hạn, với thời gian thì thấy không có thủy không có chung. Tu tới đây, người ta hay lầm tưởng đã thành Phật, vì tâm rất thanh tịnh sáng suốt, không còn phải kìm giữ gì nữa.

Tụng:

騎牛已得到家山
 牛也空兮人也閑
 紅日三竿猶作夢
 鞭繩空頓草堂間

(Ky ngư dĩ đắc đáo gia san

Ngư dã không hề nhân dã nhàn

Hồng nhật tam can du tác mộng

Tiên thằng không đốn thảo đường gian.)

**Cưỡi trâu về thẳng đến gia san
Trâu đã không rời người cũng nhàn
Mặt nhật ba sào vẫn say mộng
Dây roi dẹp bỏ bên cạnh sàng.**

Giảng:

Kỵ ngư dĩ đắc đao gia san.

Kỵ ngư là cưỡi trâu, *dĩ đắc* là đã được, *đao gia san* là đến núi nhà, nghĩa là mục đồng cưỡi trâu đã về đến tận nhà rồi.

Ngư dã không hề nhân dã nhàn.

Ngư dã không là trâu cũng không, *hề* là trợ từ, *nhân dã nhàn* là người cũng nhàn, nghĩa là trâu cũng không người cũng rảnh. Trâu không còn thì người rảnh rang, không bận gì hết cho nên:

Hồng nhật tam can du tác mộng.

Hồng nhật là mặt trời *hồng tam can* là ba sào, *du tác mộng* là vẫn còn ngủ say, nghĩa là mặt trời đỏ hồng đã lên ba sào rồi, chú mục đồng vẫn còn nằm ngủ ngáy pho pho.

Tiên thằng không đốn thảo đường gian.

Tiên thằng không đốn là dây roi không còn, *thảo đường gian* là giữa nhà cỏ, nghĩa là chú mục đồng không dùng dây roi nữa, chú đã quăng nó vào trong nhà cỏ.

Chú mục đồng đã cưỡi trâu về tới nhà rồi, chú không còn bận lòng nghĩ đến trâu để chăn giữ nữa,

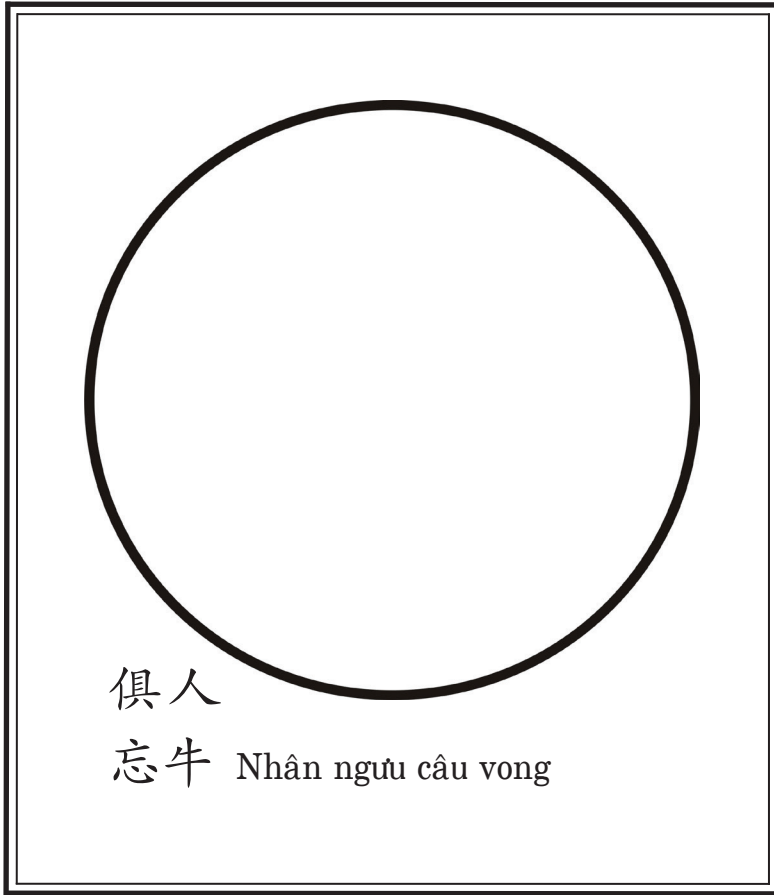
nên nói trâu đã không người cũng rảnh. Vì còn trâu là còn chặn giữ, nay trâu không còn chú được rảnh rang nhàn rỗi. Do nhàn rỗi nên sáng ngày, mặt trời lên ba sào rồi mà chú vẫn còn ngủ say. Khi ấy dụng cụ chặn trâu như roi dây không cần nữa, quăng hết vô nhà cỏ.

Người tu khi hết vọng tưởng, hoàn toàn lặng lẽ, tức là tâm đã trở lại chỗ ban sơ thanh tịnh sáng suốt thì không còn dụng công tu nữa, mà tùy thời nhậm vận.



Tranh Thiên Tông 8

NGƯỜI TRÂU ĐỀU QUÊN



Dẫn:

Tình phàm rơi rớt, ý thánh đều không. Chỗ có Phật cũng chẳng cần ngao du, chỗ không Phật phải chạy qua gấp. Hai đầu không dính, ngàn mắt khó xem. Trăm chim ngậm hoa, một trường bối rối.

Giảng:

Tình phàm rơi rớt, ý thánh đều không. Chúng sanh còn mê cho nên là phàm, thấy mình mê biết Phật giác gọi là thánh. Khi không còn thấy phàm thánh đối đãi nữa thì nói phàm thánh đều không. Do đó trong nhà thiền nói:

Chỗ có Phật cũng chẳng cần ngao du, chỗ không Phật phải chạy qua gấp. Chỗ không Phật chạy qua gấp thì có lý, nhưng tại sao chỗ có Phật không cần ngao du? Vì “có Phật” “không Phật” là ý niệm là ngôn ngữ hai bên đối đãi giả lập, không thật nên phải vượt qua. Dứt hết ý niệm đối đãi là không còn trâu, không còn người chăn.

Hai đầu không dính, ngàn mắt khó xem. Khi tâm không còn dính mắc hai bên đối đãi thì tranh chỉ là vòng tròn trắng tượng trưng tánh giác. Tánh giác thì không có một vật; không hình không tướng thì thấy cái gì? Cho nên nói ngàn mắt khó xem.

Trăm chim ngậm hoa, một trường bối rối. Đây dẫn chuyện ngài Ngưu Đầu Pháp Dung. Trước khi gặp Tứ tổ Đạo Tín, ngài tu pháp quán từ bi, lòng từ của ngài bủa khắp nên chim chóc thương, ngậm hoa trái đem đến cúng dường. Khi gặp Tứ tổ Đạo Tín dạy buông hết kiến giải

hai bên, ngài tu một thời gian sạch hết mọi vọng niệm đối đãi, từ đó chim không cúng hoa trái nữa.

Chỗ này, đối với người chưa thấu lý thiên thì cho rằng trước ngài tu cao có nhiều phước, nên được chim cúng dường, sau ngài tu dở ít phước nên chim không cúng dường nữa. Hiểu như thế là sai, vì tu tới chỗ không còn thấy hai bên, vọng tưởng không còn, chim làm sao thấy được, biết được? Vì không thấy không biết nên nó không đem hoa trái đến cúng dường nữa. Nếu người tu còn để chư thiên hay chim đem hoa trái đến cúng dường là còn niệm, còn quán, đến đây quán niệm dứt sạch nên nói chim chóc bối rối.

Tụng:

鞭策人牛盡屬空
 碧天寥廓信難通
 紅爐焰上爭容雪
 到此方能合祖宗

*(Tiên sách nhân ngưu tận thuộc không
 Bích thiên liêu khoáng tín nan thông
 Hồng lô diễm thượng tranh dung tuyết
 Đáo thử phương năng hợp Tổ tông.)*

**Roi gậy người trâu thảy đều không
 Trời xanh thăm thăm tin chẳng thông
 Lò hồng hừng hực nào dung tuyết
 Đến đó mới hay hợp Tổ tông.**

Giảng:

Tiên sách nhân ngư tận thuộc không.

Tiên sách là roi dây, *nhân ngư* là người trâu, *tận thuộc không* là hết thấy đều không, nghĩa là roi dây, người trâu thấy đều không còn.

Bích thiên liêu khoách tín nan thông.

Bích thiên là trời xanh, *liêu khoách* là thênh thang, *tín nan thông* là tin tức khó thông, nghĩa là trời xanh thênh thang tin tức khó thông.

Hồng lô diệm thượng tranh dung tuyết.

Hồng lô là lò lửa hồng, *diệm thượng* là hùng hực, *tranh dung tuyết* là đâu có một mảnh tuyết, nghĩa là lò lửa hồng đâu có một mảnh tuyết.

Đáo thử phương năng hiệp Tổ tông.

Đáo thử là đến đây, *phương năng* là mới hay, *hiệp Tổ tông* là hợp với Tông chỉ của Tổ, nghĩa là tới đây mới hợp với con đường của Phật Tổ đi. Trâu đã không, roi dây cũng bỏ, người chăn cũng không nốt. Trời xanh thênh thang không có một gợn mây thì đâu có gì để thấy, nên tin tức khó thông. Trên lò lửa đỏ hùng hực không còn một mảnh tuyết, lúc đó mới hợp với con đường của Phật Tổ đi.

Khi không còn thấy hai bên thì không còn ngã pháp. Ngã pháp không thì trí tuệ viên mãn, tượng trưng bằng vòng tròn, là chỗ mà Lục Tổ nói “bản lai vô nhất vật”.



Tranh Thiên Tông 9

TRỞ VỀ NGUỒN CỘI



還返

源本 Phán bản hoàn nguyên

Mục thứ 8 là một vòng tròn trắng không trâu không người chăn. Nếu ngang đây dừng thì rơi vào chìm lặng, không còn gì cả. Cho nên tới mục 9 vẽ một cội cây lá đang rụng xuống gốc, chim đang vỗ cánh bay về tổ. Tu qua trạng thái lặng lẽ thì mới trở về với thể chân thật. Về với Thể chân thật nhà thiền thường gọi là nhập Phật giới, tức là vào cảnh giới của Phật.

Dẫn:

Xưa nay thanh tịnh chẳng nhận mảy trần, xem có tướng phải chịu tươi khô, ở vô vi thì ngưng lặng. Chẳng đồng huyễn hóa đâu nhờ tu hành. Nước biếc non xanh ngòi xem thành bại.

Giảng:

Xưa nay thanh tịnh chẳng nhận mảy trần. Bản nguyên chân thật của mỗi người, xưa nay vốn là thanh tịnh không có một vật thì bụi trần làm sao dính được.

Xem có tướng phải chịu tươi khô, ở vô vi thì ngưng lặng. Nếu là vật có hình tướng thì bị vô thường chi phối nên có tươi có khô, có sanh có diệt, luôn luôn biến đổi. Nếu là vô vi không hình tướng thì chìm trong vắng lặng. Vậy, pháp có tướng thì sanh diệt, pháp không tướng thì chìm trong trống lặng nên phải vượt qua.

Chẳng đồng huyễn hóa đâu nhờ tu hành. Bản nguyên chân thật của mỗi người không phải là pháp hư dối huyễn hóa thì đâu phải nhờ dụng công tu hành mới được. Vì nó vốn sẵn có như vậy.

Nước biếc non xanh ngòi xem thành bại. Người hằng sống với bản nguyên chân thật nơi mình thì đối với các pháp thấy rõ bản vị của nó, tâm không mê muội dao động vướng mắc. Thiên sư Duy Tín nói: “Ba mươi năm trước, chưa gặp thiện tri thức thấy núi sông là núi sông. Khi gặp thiện tri thức chỉ dạy, thấy núi sông không phải là núi sông. Ba mươi năm sau, thấy núi sông là núi sông.” Giai đoạn thứ ba thấy núi sông là núi sông, là “nước biếc non xanh ngòi xem thành bại”. Đó là trở về nguồn, là phản bản hoàn nguyên.

Tụng:

返本還源已費功
 爭如直下若盲聾
 庵中不見庵前物
 水自茫茫花自紅

*(Phản bản hoàn nguyên dĩ phí công
 Tranh như trực hạ nhược manh lung
 Am trung bất kiến am tiền vật
 Thủy tự mang mang hoa tự hồng.)*

**Phản bản hoàn nguyên dĩ phí công
 Đâu bằng thẳng đó tự mù câm
 Trong am chẳng thấy ngoài vật khác
 Nước tự mênh mông hoa tự hồng.**

Giảng:

Phản bản hoàn nguyên dĩ phí công.

Phản bản là xoay lại gốc, *hoàn nguyên* là trở về nguồn, *dĩ phí công* là đã tốn công, nghĩa là trở về nguồn gốc quá tốn công.

Tranh như trực hạ nhược manh lung.

Tranh như là đầu bằng, *trực hạ* là ngay đó, *nhược manh lung* là như mù điếc, nghĩa là đầu bằng ngay đó như mù như điếc.

Am trung bất kiến am tiền vật.

Am trung là trong am, *bất kiến* là chẳng thấy, *am tiền vật* là ngoài cái am, nghĩa là trong am chẳng thấy vật gì ở ngoài am.

Thủy tự mang mang hoa tự hồng.

Thủy tự mang mang là nước tự mênh mông, *hoa tự hồng* là bông tự nó màu hồng, nghĩa là nước tự mênh mông, hoa tự màu hồng.

Cội nguồn là tâm thể chân thật vốn có sẵn nơi mỗi người, không cần phí công để tìm, không cần phí sức để trở lại. Chỉ cần mắt thấy sắc không phân biệt đẹp xấu, tai nghe tiếng không phân biệt hay dở, thấy nghe mà không phân biệt tốt xấu hay dở cũng giống như mù như điếc, nên nói mù câm.

Am là chỉ cho tâm thể; người tu tới đây chỉ có một tâm thể thên thang trùm khắp, ngoài tâm thể không có một vật gì khác. Chừng đó mới tự tại thấy nước mênh mông, thấy hoa tự nở hồng nở tía, không bận tâm, không vướng mắc, gọi đó là Trở về nguồn cội hay Vào cảnh giới Phật. Khi vào cảnh giới Phật rồi mà không nghĩ đến chúng sanh khổ để khởi nguyện ra giáo hóa thì quá tiêu cực. Vì vậy mà phải phát nguyện độ sanh, cứu đời.



Tranh Thiên Tông 10

THÔNG TAY VÀO CHỢ



垂入

手 躑 Nhập triền thùy thủ

Thông tay vào chợ là thiên sư đóng cửa am, chống gậy đi xuống chợ, tay cầm bầu rượu tay xách cá chép để hòa với người đời. Giai đoạn này nhà thiên gọi là vào cõi ma. Sau khi vào cõi Phật rồi thiên sư vào cõi ma để giáo hóa chúng sanh, công hạnh mới viên mãn. Nếu vào cõi Phật mà không vào cõi ma thì công hạnh chưa đủ, thiếu phần lợi tha. Vì thế mà các thiên sư thông tay vào chợ.

Tuy nhiên, ngày nay có nhiều người tu chưa vào cõi Phật mà vào cõi ma trước, e rằng sẽ bị ma nhiếp hóa. Muốn vào cõi ma là phải vào cõi Phật trước, hãy nhớ chỗ này là chỗ thiết yếu cho sự tu hành. Nhiều vị học Phật tưởng mình đã có Phật tánh thì tha hồ đi vào quán rượu hý trường... nghĩ rằng những cảnh đó là giả dối, ông Phật nơi tôi mới là chân thật. Mới nghe qua thấy dường như phải, nhưng kỳ thật chẳng phải, vì đạo lực huân tu chưa đủ mà dám làm những việc quá sức mình nên bị họa là lẽ đương nhiên.

Dẫn:

Đóng cánh cửa gỗ ngàn thánh chẳng biết. Vùi phong quang chính mình, phụ lối mòn của bậc hiền trước. Mang bầu vào chợ, cầm gậy vào nhà, quán rượu hàng cá chuyển thành Phật đạo.

Giảng:

Đóng cánh cửa gỗ ngàn thánh chẳng biết. Sau khi vào cảnh giới Phật, thiên sư vào cảnh giới ma, xuống núi đi vào xóm làng chợ búa; việc làm này chỉ tự ngài biết, chứ không ai biết được, ngay cả thánh cũng không biết.

Vùi phong quang chính mình, phụ lối mòn của bậc hiền trước. Thiên sư tuy đã giác ngộ, mà tự ẩn thân, không để cho người biết mình tu đã ngộ đạo. Xưa, các bậc hiền đã ngộ đạo rồi thì giữ mình làm mẫu mực để giáo hóa tăng ni tín đồ. Ngược lại, ở đây thiên sư hủy bỏ hình tướng của người tu thanh tịnh mà đi vào làng vào chợ, hiện tướng tầm thường, không theo gương người xưa làm mẫu mực cho đời.

Mang bầu vào chợ, cầm gậy vào nhà, quán rượu hàng cá chuyển thành Phật đạo. Bấy giờ thiên sư vào quán rượu hàng cá không phải để uống rượu mua cá, mà để gần gũi giúp đỡ chuyển hóa người nghiện rượu, người bán cá về với đạo. Chấp nhận hình ảnh xấu xa tầm thường để đưa người tới chỗ giác ngộ, đó là hành động tích cực của người tu thiên. Tinh thần tích cực của đạo Phật là không chấp nhận hưởng an lạc riêng cho bản thân, mà lại tự che khuất mình bằng cách mang hình dạng rất tầm thường đi vào chỗ tầm thường, để gần gũi người tầm thường chuyển họ trở về với đạo. Đó là tinh thần tích cực của người tu, thể hiện đầy đủ trí tuệ và từ bi.

Tụng:

露 胸 跣 足 入 鄣 來
 抹 土 塗 灰 笑 滿 腮
 不 用 神 仙 真 祕 訣
 直 教 枯 木 放 花 開

*(Lộ hung tiến túc nhập thiên lai
Phù thổ đồ khô tiểu mãn tai
Bất dụng thần tiên chân bí quyết
Trực giao khô mộc phóng hoa khai.)*

**Chân trần bày ngực thẳng vào thành
Tô đất trét bùn nụ cười thanh
Bí quyết thần tiên đâu cần đến
Cây khô cũng khiến nở hoa lành.**

Giảng:

Lộ hung tiến túc nhập thiên lai.

Lộ hung là bày ngực, *tiến túc* là đi chân trần, *nhập thiên lai* là đi vào chợ, nghĩa là mặc áo bày ngực, đi chân không vào chợ.

Phù thổ đồ khô tiểu mãn tai.

Phù thổ là trét đất, *đồ khô* là bôi tro, *tiểu mãn tai* là cười toe toét tới mép tai, nghĩa là bôi đất trét tro vào người, cười toe toét tới mép tai.

Bất dụng thần tiên chân bí quyết.

Bất dụng là không dùng, *thần tiên chân bí quyết* là phép bí mật chân thật của thần tiên, nghĩa là không dùng phép bí mật chân thật của thần tiên.

Trực giao khô mộc phóng hoa khai.

Trực giao là khiến thẳng, *khô mộc* là cây khô, *phóng hoa khai* là hoa nở, nghĩa là chỉ làm sao cho cây khô nở hoa.

Thiền sư mặc áo bày ngực, chân không giày dép đi vào chợ, để làm những việc rất tầm thường như người đời. Miệng thì cười toé toét tới mép tai. Nụ cười của thiền sư đi vào chợ giống như nụ cười của Bồ-tát Di-lặc, cười hỷ hạ tét mép tai, không phải nụ cười chúm chím như tôn giả Ca-diếp nơi hội Linh Sơn.

Khi thông tay vào chợ, thiền sư không cần gìn giữ giới hạnh mẫu mực của người tu, không thuyết giảng giáo lý cao siêu mâu nhiệm, chỉ làm một con người rất tầm thường (bôi đất trét tro), để giáo hóa những người bán cá bán thịt ở ngoài chợ, ở quán rượu là những con người không có chút đạo đức khiến cho họ có đạo đức (cây khô trở hoa). Đó là trách nhiệm quan trọng, là mục tiêu giáo hóa và sức mạnh giáo hóa của người tu đến chỗ viên mãn.

Đây là chỗ thiết yếu, chúng ta cần phải hiểu cho rõ. Người tu sau khi vào cảnh giới Phật tức là đã triệt ngộ, mới vào cảnh giới ma, lặn xả vào đời làm lợi ích cho chúng sanh. Nếu chưa ngộ, chưa vào cảnh giới Phật mà vào cảnh giới ma, tự mình đã không tu tiến mà cũng không làm lợi ích cho người được, thì chắc chắn sớm muộn gì cũng bị ma nhiếp hóa. Chúng ta đừng nghe loáng thoáng hiểu lơ mờ rằng mỗi người ai cũng có Phật tánh, cho rằng mình cũng có ông Phật rồi tùy ý phóng dăng ăn chơi, làm nhiều chuyện tội lỗi thì sẽ rơi vào địa ngục như tên bắn. Vì vậy, học là phải hiểu cho chín chắn cho thấu suốt, để thực hành không sai lầm và tu tới nơi tới chốn.

Học mười mục chăn trâu rồi, chúng ta tu tới đâu là biết tới đó. Đây là thước đo công phu tu hành và biết rõ chỗ mình tiến tới; chỗ qua rồi thì mừng, chỗ đang tới thì vui, chỗ chưa tới phải nỗ lực, cố gắng, chứ đừng tự mãn đến đây là đủ rồi. Vì tu là phải tiến tới mức cuối cùng. Mức cuối cùng viên mãn nhất của người tu là không thụ hưởng an lạc ở cảnh giới Phật mà phải giáo hóa làm lợi ích cho chúng sanh.



TRANH ĐẠI THỬA

Tựa của Châu Hoàng

Kinh Di Giáo dạy: Ví như chẵn trâu cầm roi xem chừng, không cho nó đi bừa vào lúa mạ. Đây là xuất phát mục chẵn trâu.

Kế tiếp Mã Tổ hỏi Thạch Cửng: “Ông ở đây làm gì?” Thạch Cửng đáp: “Chẵn trâu.” Mã Tổ hỏi: “Trâu làm sao chẵn?” Thạch Cửng đáp: “Một phen ùa vào đồng cỏ nắm mũi lôi trở lại.” Mã Tổ bảo: “Ông giỏi chẵn trâu.”

Lại, thiền sư An ở núi Đại Quy nói: “Tôi ở Quy Sơn không học thiền Quy Sơn, chỉ chẵn giữ một con trâu.”

Lại, thiền sư Đoan ở Bạch Vân hỏi Quách Công Phụ: “Trâu thuần chưa?”

Hoặc tự chăn hoặc dạy người chăn thấy khá nhiều, từ xưa đến nay càng bày rõ ràng. Sau mới có người vẽ thành tranh. Ban đầu từ chưa chăn, rớt sau cả hai đều mất, phân chia thành mười mục. Con trâu hẵn theo thứ lớp, ban đầu đen từ từ trắng, rớt sau không còn cái trắng nào sánh bằng.

Phổ Minh lại ở mỗi mục làm một bài tụng, Phổ Minh chưa biết rõ người ở đâu? Tranh và tụng cũng chưa rõ do tay một người chăng? Nay miễn bàn. Chỉ là tranh ấy hình ảnh hiển bày mà ý thú rất sâu sắc. Bài tụng thì lời gằn mà ý chỉ thì rất xa. Người học giữ ở bên mình làm bản đồ để xem xét đức nghiệp của mình. Cúi xuống, xét chỗ mình đã tiến, ngược lên mong chỗ mình chưa đến, mới mong tránh khỏi cái lỗi được ít cho là đủ, mà phải rơi vào tầng thượng mạn. Như thế sẽ giúp ích rất nhiều. Tôi bèn sao lục cho khắc lại bằng gỗ. Ngoài ra còn có tìm trâu cho đến vào chợ, cũng gồm mười bức cùng với những bức tranh này đại đồng tiểu dị. Lại đến trong giáo lý phân biệt tiến tu theo thứ lớp có thể so sánh mà biết. Tôi đều in phụ vào sau sách để tiện tham khảo. Nếu là người một phen vượt lên là vào thẳng thì không nhọc roi vọt mà trâu trắng nằm sẵn sờ sờ trên đất, chẳng rơi vào giai cấp, chỉ trong một sát-na năng sở đều mất. Thế là tranh hóa thành đồ bỏ, tụng thành lời thừa vạ.

Giảng:

Trong bài tựa này, ngài Châu Hoàng dẫn kinh Di Giáo nói việc tu hành: Ví như người chần trâu cầm roi xem chừng không cho trâu đi bừa vào lúa mạ của người, để cho thấy việc tu hành dụ như chần trâu đã được Phật nói từ trước còn ghi lại nơi kinh điển, chứ không phải sau này các thiền sư đặt ra. Đó là lý do xuất phát tranh chần trâu.

Ngài dẫn kinh rồi dẫn các thiền sư nói về chần trâu. Thạch Củng Huệ Tạng là một thiền sư, khi còn tại gia chuyên nghề săn bắn. Một hôm, nhân đuổi bầy nai chạy qua trước am Mã Tổ, gặp Mã Tổ đứng trước. Sư hỏi:

- Hòa thượng thấy bầy nai chạy qua đây chằng?

Mã Tổ hỏi lại:

- Chú là người gì?

- Thợ săn.

- Chú bắn giỏi không?

- Bắn giỏi.

- Một mũi tên chú bắn được mấy con?

- Một mũi bắn được một con.

- Chú bắn không giỏi.

- Hòa thượng bắn giỏi không?

- Bắn giỏi.

- Một mũi tên Hòa thượng bắn được mấy con?
- Một mũi tên bắn được một bầy.
- Sanh mạng chúng nó đâu nên bắn một bầy.
- Chú đã biết như thế, sao không tự bắn?
- Nếu bảo tôi bắn tức không có chỗ hạ thủ.
- Chú này phiền não vô minh nhiều kiếp, ngày nay chóng dứt.

Ngay khi đó, Sư ném cung bẻ tên tự lấy dao cạo tóc theo Mã Tổ xuất gia, Mã Tổ cho hiệu là Huệ Tạng, sau ở núi Thạch Củng nên có tên Thạch Củng. Một hôm Sư làm việc ở nhà trụ, Mã Tổ xuống hỏi:

- Ông đang làm gì?

Sư đáp:

- Chăn trâu.
- Trâu làm sao chăn?
- Một phen ùa vào đồng cỏ nắm mũi lôi trở lại.
- Ông giỏi chăn trâu.

Pháp chăn trâu của thiền sư khác với kinh ở chỗ “trâu đi vào lúa mạ của người mới lôi cổ nó lại” và “trâu đi vào đồng cỏ thì kéo nó lại”. Thông thường mục đồng chăn trâu cho trâu ăn cỏ, khi trâu ăn lúa mạ mới đuổi rầy. Nhưng tại sao đây nói trâu ùa vào đồng cỏ nắm mũi lôi trở lại, vậy mục đồng để trâu nhịn đói sao? Chăn trâu của Kinh và Thiền khác những gì? Đứng về mặt giáo lý

(kinh Di Giáo), Phật chỉ dạy dừng nghiệp ác tức là khởi nghiệp ác (vào lúa mạ) lồi cổ trở lại, mà chưa dạy đoạn ý niệm lành. Đến các thiên sư thì khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần, khởi thức phân biệt tốt xấu thiện ác là có lỗi cần phải đoạn, nên nói trâu ủa ra đồng cỏ là kéo đầu lại. Đó là mục đồng khéo chặn trâu hay thiên sinh khéo điều phục tâm.

Kế thiên sư Đại An nổi pháp tổ Bá Trượng, khi thiên sư Linh Hựu tới mở đạo tràng tại núi Quy, ngài đến phụ tá. Khi thiên sư Linh Hựu tịch, đại chúng thỉnh sư nối tiếp trụ trì tại đây. Sư thượng đường dạy chúng: “Đại An này ở tại núi Quy ba mươi năm, ăn cơm núi Quy, đại tiện núi Quy, mà không học thiên núi Quy, chỉ coi chừng con trâu. Nếu nó lạc đường hay vào trong cỏ liền lồi nó lại. Nếu nó ăn lúa mạ của người, liền đánh đập điều phục nó. Đáng thương đã lâu chịu người rầy rà, hiện giờ nó đổi thành con trâu trắng đứng trước mặt, trợn ngày hiện sờ sờ đuổi cũng chẳng đi.”

Thiên sư Thủ Đoan ở Bạch Vân hỏi cư sĩ Quách Công Phụ: “Trâu ông đã thuần chưa?”

Vậy pháp chặn trâu đã có từ đức Phật được ghi lại ở kinh điển. Sau các thiên sư ứng dụng tự tu tập hoặc hướng dẫn người tu tập. Rồi các ngài mới họa ra thành mười bức tranh, từ chưa chặn đến rốt sau đều mất, trâu từ màu đen dần dần trắng, cho đến hoàn toàn trắng.

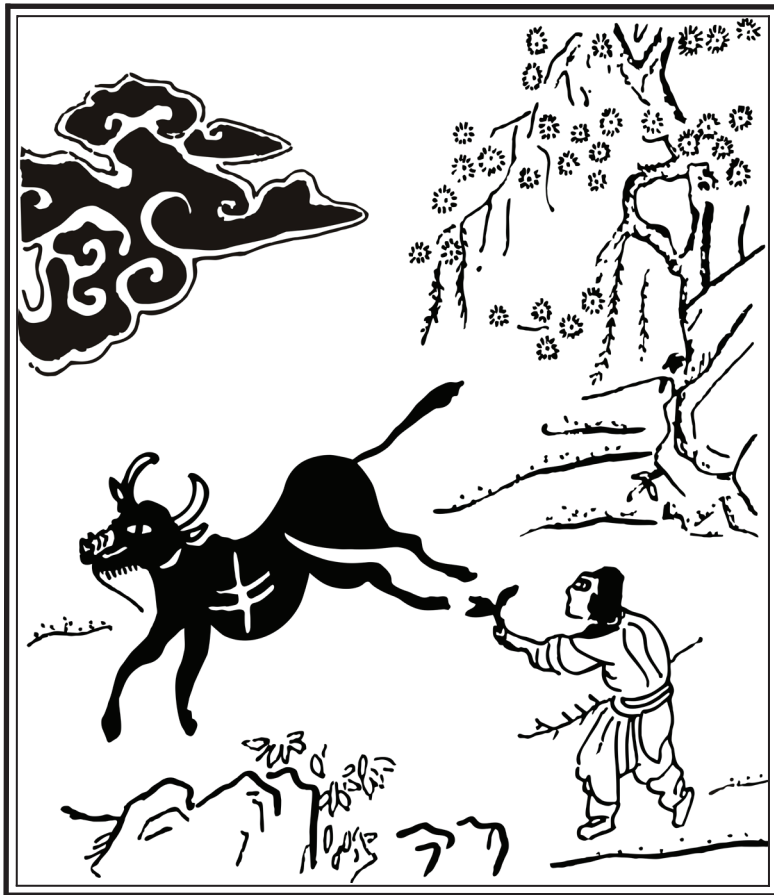
Mười mục chặn trâu này được thiên sư Phổ Minh làm mỗi mục một bài tụng, nói lên lý đạo rất sâu xa

người tu học cần nên có, để làm bản đồ tự bản thân chiêm nghiệm, xét lại công hạnh tu tập của mình, nỗ lực tiến tới và tránh cái lỗi được ít cho là đủ. Ngoài mười bức tranh Đại thừa còn có mười bức tranh Thiên tông, hai bộ tranh này đại đồng mà tiểu dị, cũng được ngài in ra để tham khảo. Ngài nói người tu hành từ thấp tiến lên thì nhờ mười bức tranh chăn trâu để thấy rõ bước tiến của mình tới đâu mà không lầm lạc. Bậc xuất cách chỉ một phen nghe liền đại ngộ không phải dụng công tu tập, lúc nào thể chân thật cũng hiện tiền, trong khoảng sát-na năng sở đều hết thì mười bức tranh chăn trâu này coi như thừa. Những vị đó thấy tranh và tụng chỉ cười một trận thôi, không cần thiết, không ép phải đọc phải xem. Nếu không phải những vị đó thì xem tranh đọc tụng là điều cần thiết.



Tranh Đại Thừa 1

CHỬA CHĂN



未牧 - Vị phục

Tranh thứ nhất của Đại thừa, chú mục đồng không có vẻ ngơ ngác tìm kiếm như tranh 1 của Thiên tông. Vừa mở đầu là chú mục đồng thấy trâu, con trâu đen đang ngồng cổ sải chân chạy. Chú ve vẫn nó bằng cách bẻ cỏ non nhử, nhưng trâu vẫn cứ ngồng cổ sải chân chạy, không hề để ý tới cỏ của chú mục đồng. Tranh 1 Đại thừa có cao hơn tranh 1 của Thiên tông không? Con trâu trong tranh Đại thừa cũng chỉ cho thể chân thật có sẵn nơi mỗi người. Người học đạo nhờ học hỏi nghiên cứu nên thâm nhập được giáo lý, do thâm nhập được giáo lý mới tin mình có thể chân thật. Tin mình có thể chân thật là dụ thấy trâu. Tuy đã tin mình có thể chân thật nhưng chưa nhận ra nó, nên mới dùng phương tiện để tu tập là dụ bẻ cỏ non để nhử trâu.

Tụng:

生 犂 頭 角 恣 咆 哮
 犇 走 溪 山 路 轉 遙
 一 片 黑 雲 橫 谷 口
 誰 知 步 步 犯 佳 苗

*(Sanh nanh đầu giác tứ bào hao,
 Bôn tẩu kê sơn lộ chuyển dao,
 Nhất phiến hắc vân hoành cốc khẩu,
 Thùy tri bộ bộ phạm giai miêu.)*

**Đầu sừng nghênh ngóng mặc kêu vang,
 Rong chạy núi khe giã đạp càn,
 Một mảnh mây đen che cửa động,
 Ai hay bước bước phạm mạ vàng.**

Giảng:

Sanh nanh đầu giác tứ bào hao.

Sanh nanh là thối ngang ngạch, *đầu giác* là đầu sừng, *tứ bào hao* là mặc tình kêu rống. Nghĩa là trâu đầu sừng thì ngang ngạch, miệng thì la hét kêu rống.

Bôn tẩu khê sơn lộ chuyển dao.

Bôn tẩu là chạy ngược chạy xuôi, *khê sơn* là núi khe, *lộ chuyển dao* là đường càng xa. Nghĩa là trâu chạy ngược chạy xuôi, chạy qua khe qua núi, càng chạy càng xa.

Nhất phiến hắc vân hoành cốc khẩu.

Nhất phiến là một mảnh, *hắc vân* là mây đen, *hoành cốc khẩu* là chặn ngang cửa hang. Nghĩa là một mảnh mây đen chặn ngang cửa hang.

Thùy tri bộ bộ phạm giai miêu.

Thùy tri là ai biết, *bộ bộ* là mỗi bước mỗi bước, *phạm giai miêu* là phạm lúa mạ người. Nghĩa là mỗi bước mỗi bước đều phạm vào lúa mạ người.

Trâu tánh còn nông cuồng, đầu sừng ngang ngạch chạy càn chạy bướng, vừa chạy vừa kêu rống om sòm. Nó lội qua suối băng qua non, bất kể núi cao suối sâu, càng chạy nó càng xa chủ xa chuồng, đi bừa vào lúa mạ người.

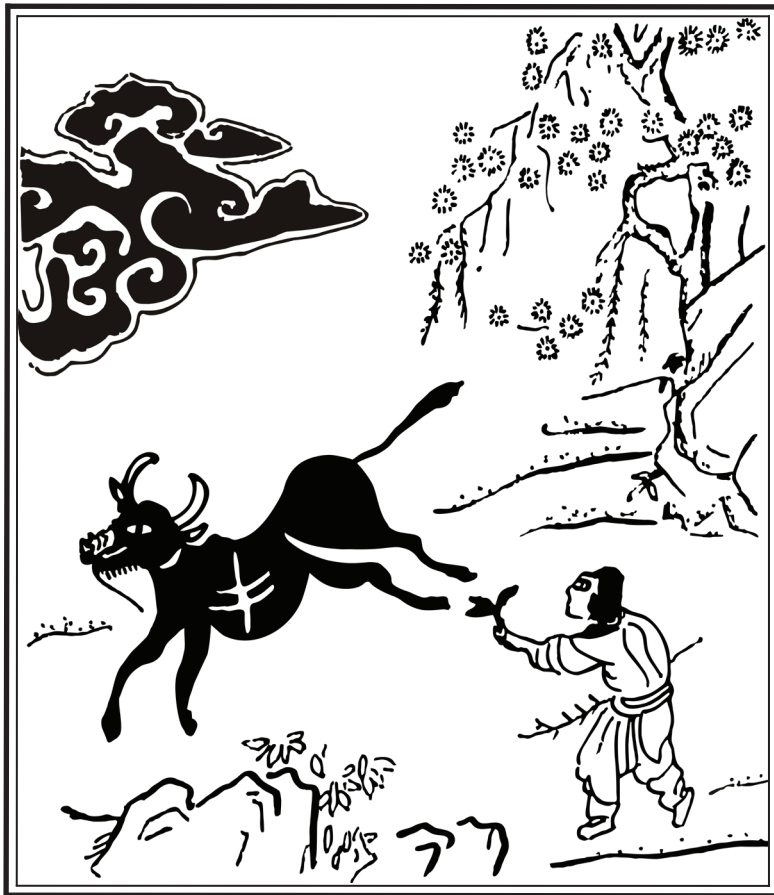
Như chúng ta đang ở đây, nếu xoay lưng lại chùa thì càng đi càng xa chùa. Cũng vậy, chúng ta xoay lưng

với tánh giác của mình hướng ra ngoại trần, nên trải qua vô số kiếp luân hồi, khi chợt tỉnh muốn trở lại thì mù mịt không biết lối về. Khi ra đi rồi thì cố hương ví như hang động, bấy giờ cửa hang bị mây đen che khuất, tìm lại rất khó thấy. Kinh nói do vô minh mới có hành, vì vô minh ra khỏi hang thì hành đầy đi, càng đi càng tạo nghiệp, càng tạo nghiệp thì quanh quẩn mãi trong luân hồi sanh tử, giống như mỗi bước chân của trâu đi giẫm đạp lên lúa mạ của người, phạm nhiều lỗi lầm. Đó là giai đoạn người tu chưa biết điều phục kìm chế tâm buông lung tạo nghiệp, nên bị nghiệp dẫn đi trong luân hồi lục đạo cách xa tánh giác ngút ngàn.



Tranh Đại Thừa 2

MỚI CHĂN



初調 - Sơ điều

Tranh thứ hai vẽ trâu mới chăn. Tuy mục đồng đã xỏ mũi lôi cổ, hết sức kéo lôi nhưng nó cũng ra sức chống cự ghì kéo lại chú. Mục đồng yếu hơn trâu, đứng sải chân ghì kéo dây mũi mà trâu cứ ngồng cổ chạy đi, vì vậy chú phải dùng roi đánh, nó mới quay đầu lại. Trâu chỉ trắng có cái mõm.

Hình ảnh này chỉ cho người mới tu, tập khí vọng niệm quá dày, dụng công tu tập thì nhiều nhưng kết quả rất ít. Tôi đơn cử một vài thói quen khó điều phục. Chúng ta tu khoảng một năm, hằng ngày trường chay giữ giới tu thiền, nhưng ban đêm ngủ mộng thấy được mời dự tiệc mặn. Trong mộng không nhớ mình là người xuất gia, vẫn thấy mình ăn thịt cá như người đời. Tuy ban ngày là người tu nhưng ban đêm mộng thấy mình là người thế gian, nên ai mời ăn gì là ăn nấy, không ngại ngùng, không từ chối, cũng không nhớ mình là người tu. Đó là tập khí còn dày đặc nên rất khó điều phục, nó khởi lên mười chỉ thắng một hai, thua hết tám chín, nên ở đây tượng trưng bằng chăn sải chân nắm dây vằm ghì kéo và đánh đập con trâu.

Tụng:

我有芒繩驀鼻穿
一迴奔競痛加鞭
從來劣性難調制
猶得山童盡力牽

*(Ngã hữu mang thừng mạch tỹ xuyên,
Nhất hồi bồn cạnh thống gia tiên,*

*Tùng lai liệt tánh nan điều chế,
Do đắc sơn đồng tận lực khiên.)*

**Ta có dây vằm xỏ mũi mi,
Lôi đầu không chịu đánh liền đi,
Từ nay thói nghịch thường rong chạy,
Vẫn bị mục đồng tận lực ghi.**

Giải:

Ngã hữu mang thằng mạch tỹ xuyên.

Ngã hữu là ta có, *mang thằng* là dây gai, *mạch tỹ xuyên* là xỏ qua lỗ mũi. Nghĩa là ta có sợi dây gai xỏ thủng qua lỗ mũi của người.

Nhất hồi bôn cạnh thống gia tiên.

Nhất hồi là một phen, *bôn cạnh* là chạy ngang chạy càn, *thống gia tiên* là đánh một roi thật đau. Nghĩa là trâu một phen chạy ngang chạy càn thì đánh cho một roi thật đau.

Tùng lai liệt tánh nan điều chế.

Tùng lai là từ xưa tới giờ, *liệt tánh* là tánh kém cõi hạ liệt, *nan điều chế* là khó điều phục. Nghĩa là từ xưa tới giờ tánh nó vốn thấp hèn kém cõi, khó điều phục.

Do đắc sơn đồng tận lực khiên.

Do đắc là vẫn được, *sơn đồng* là chú bé chăn trâu, *tận lực khiên* là hết sức lôi kéo. Nghĩa là vẫn được chú mục đồng hết sức lôi ghì nó. Mục đồng nói với trâu:

“Ta có sợi dây gai xoắn thẳng qua lỗ mũi của người. Nếu một phen người chạy ngang chạy càn thì ta đánh cho một roi thật đau.” Từ xưa tới nay tánh của trâu vốn hạ liệt thấp hèn khó điều phục, nên mục đồng hết sức chăn giữ lôi ghì nó.

Tới đây chúng ta đã thành công lớn một việc là xoắn mũi được con trâu hoang, tức là đã thấy tâm lăng xăng chạy ngược chạy xuôi, niệm này vừa khởi niệm khác liền khởi theo liên tục không dừng nghỉ, giống như con trâu hoang sải chân chạy không chịu dừng. Tuy có thấy nhưng chưa điều phục được bao nhiêu, vẫn còn bị nó dẫn đi hết chỗ này tới chỗ kia. Mỗi khi bị vọng niệm dẫn đi như vậy phải chăm chăm nhìn, nó muốn chạy hoặc đã chạy rồi thì phải nắm mũi kéo lại bằng cách rầy nạt: “Vọng, vọng tưởng” để nó dừng lại. Nếu nạt nó không dừng thì phải đánh bằng cách: “Mày dẫn tao đi trong luân hồi nhiều đời nhiều kiếp rồi chưa chịu thôi sao, nay muốn dẫn đi nữa hả?” Quở như vậy thì nó dừng, đó gọi là đánh. Luôn luôn nạt nó, đánh nó, chứ không thể nhìn hiền hiền được, như vậy nó mới dừng, bằng không thì nó cứ phóng chạy khắp nơi, hết gần tới xa. Nhìn hiền hiền thì lúc nào cũng bị nó lôi chạy khắp xứ, là thua nó.

Những người mới tu tôi giao ba năm mới được về thăm nhà, vì con trâu của họ còn hoang lắm nên phải tận lực thường xuyên chăn giữ, khả dĩ mới thuần. Nếu cứ thả lêu lửng, nay đi chơi chỗ này, mai đi dạo chỗ kia, một đi thăm thân nhân chỗ nọ. Càng đi trâu càng

ngang ngạnh, trở về làm sao điều phục nổi? Khi trở về cố gắng kìm chế nó vài ba tháng, rồi lại xin đi nữa. Đi nữa thì trâu hoang trở lại, về chùa kìm chế lại, vài ba tháng lại đi nữa. Cứ như vậy làm hoài thì uống công chần giữ biết chừng nào. Đó là lý do mà tôi khó với tăng ni. Vì tôi biết được con đường đi qua, lúc đầu phải tận dụng hết khả năng của mình để kìm chế, chặn đón ngăn ngừa mà không làm chủ được thay hướng là thả lỏng! Thả lỏng thì uống công, chỉ tính ngày tính tháng tu chứ kết quả không có. Hiểu như vậy mới thấy dụng ý của người đi trước muốn giúp người đi sau tu tốt không bị chướng ngại. Nhưng người đi sau thấy người đi trước ngăn chặn như vậy thì buồn trách thầy khó quá, đi có lý do chánh đáng tại sao không cho đi? Đâu biết rằng, mới vừa tu năm ba tháng tâm chưa yên, về thăm nhà gặp lại cảnh gia đình, kể thân người sơ kể hết chuyện vui tới chuyện buồn. Nghe rồi tâm chao động, về chùa thở dài thở ngắn không yên cả năm bảy ngày, sau đó mới bắt đầu tu trở lại, một thời gian tâm tạm nguôi nguôi lại có chuyện đi nữa. Cứ như vậy tính ra thì nhiều năm nhiều tháng tu, nhưng kết quả chẳng có bao nhiêu, thậm chí có người đứng yên chỗ cũ, nên dễ chán dễ thối tâm Bồ-đề. Thế nên người tu là phải gan, một phen cắt là phải dứt, đừng dây dưa, phải dứt khoát. Tu rồi coi như mình đã chết ở thế gian, không bận tâm tới chuyện đời nữa. Khi nào tự tại, đi ở đều không dính mắc thì tha hồ đi, đi bao lâu cũng được. Nếu chưa như thế thì không nên đi.

Chúng ta có nhiều lý do để đi, nào là tết về lễ thầy tổ, mừng thầy tăng tuổi thọ. Nào là ra hạ về lễ,

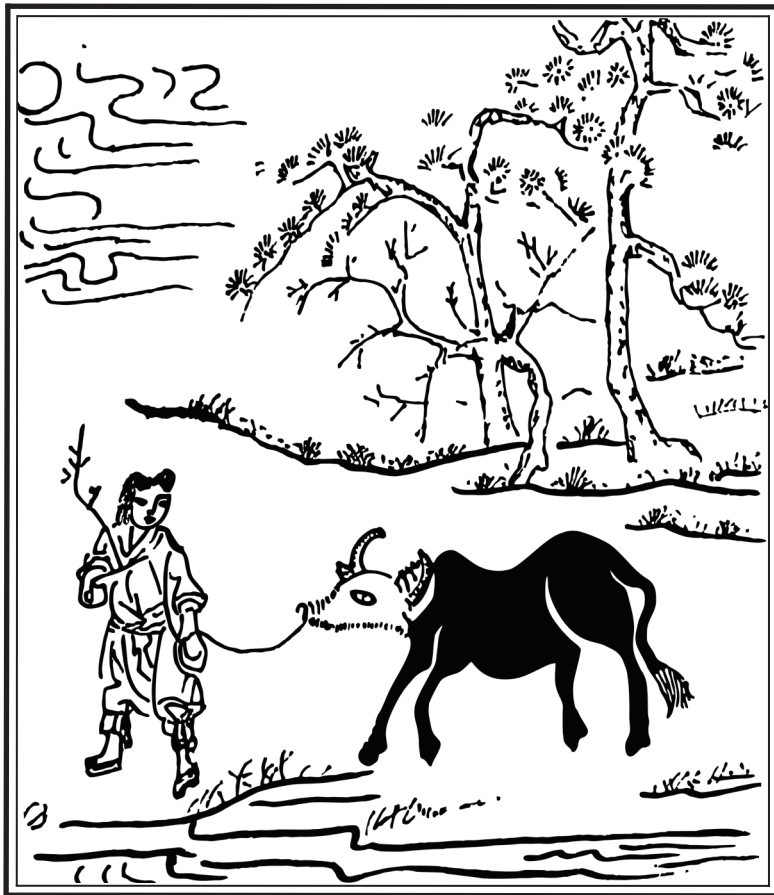
mừng thầy được thêm tuổi hạ. Nào là cha mẹ già yếu bệnh hoạn phải về thăm. Nào là anh em quyến thuộc có chuyện buồn nhấn về an ủi... Cứ như thế mà có chuyện đi hoài, khiến cho tâm lao xao bất an mãi. Thế nên phải gan dạ dứt khoát không đi, để chặn giữ tâm cho thuần.

Chặng một và chặng hai rất nhọc nhằn. Con trâu ở chặng một thì ngông nghênh ngang ngạnh, chạy ngược chạy xuôi. Chặng hai xỏ được mũi trâu, hết sức ghì kéo nó mới quay cổ lại và trắng một chút ở chót mũi. Chúng ta tu cũng vậy, có kết quả một chút là tâm thanh tịnh một chút thôi, không đáng kể.



Tranh Đại Thừa 3

CHỊU PHÉP



受制 - Thọ chế

Tới đây trâu bắt đầu tuân phục theo mục đồng, không còn chạy ngược chạy xuôi. Bây giờ trâu đã trắng tới đầu, chú mục đồng bớt cực, tuy tay nắm dây mũi, tay cầm roi, nhưng khỏi ghì kéo, khỏi đánh đập, nắm dây vàm dẫn là nó đi theo. Hình ảnh này chỉ cho người tu sau một thời gian cố gắng nỗ lực tu tập, tâm không còn điên đảo, bớt rong ruổi theo ngoại cảnh. Vọng niệm vừa dấy lên liền thấy, vọng niệm tự lặng, luôn luôn tỉnh giác nhìn nó không dám lơ lửng. Song vọng niệm vẫn cứ khởi hoài, tuy nhiên mỗi lần vọng niệm dấy khởi liền thấy thì nó tự lặng, không phải nhọc nhằn rầy la như trước nữa.

Tụng:

漸調漸伏息奔馳
 渡水穿雲步步隨
 手把芒繩無少緩
 牧童終日自忘疲

*(Tiệm điều tiệm phục tức bồn trì,
 Độ thủy xuyên vân bộ bộ tùy,
 Thủ bả mang thằng vô thiếu hoãn,
 Mục đồng chung nhật tự vong bì.)*

**Tạm hàng tạm phục hết ngoằn ngoèo,
 Lợi nước xuyên mây bước bước theo,
 Tay nắm dây vàm không chút hở,
 Mục đồng ngày trọn rất gieo neo.**

Giảng:

Tiệm điều tiệm phục tức bôn trì.

Tiệm điều tiệm phục là điều phục dần dần, *tức bôn trì* là bớt rong chạy. Nghĩa là chú mục đồng điều phục trâu, dần dần nó bớt chạy rong.

Độ thủy xuyên vân bộ bộ tùy.

Độ thủy là qua nước, *xuyên vân* là thấu mây, *bộ bộ tùy* là mỗi bước mỗi bước đi theo. Nghĩa là lội qua suối xuyên qua mây, mỗi bước chân trâu đều đi theo chú mục đồng.

Thủ bả mang thằng vô thiếu hoãn.

Thủ bả là tay nắm, *mang thằng* là dây gai, *vô thiếu hoãn* là không chút lơ lửng. Nghĩa là tay mục đồng nắm chặt dây vàm không chút lơ lửng.

Mục đồng chung nhật tự vong bì.

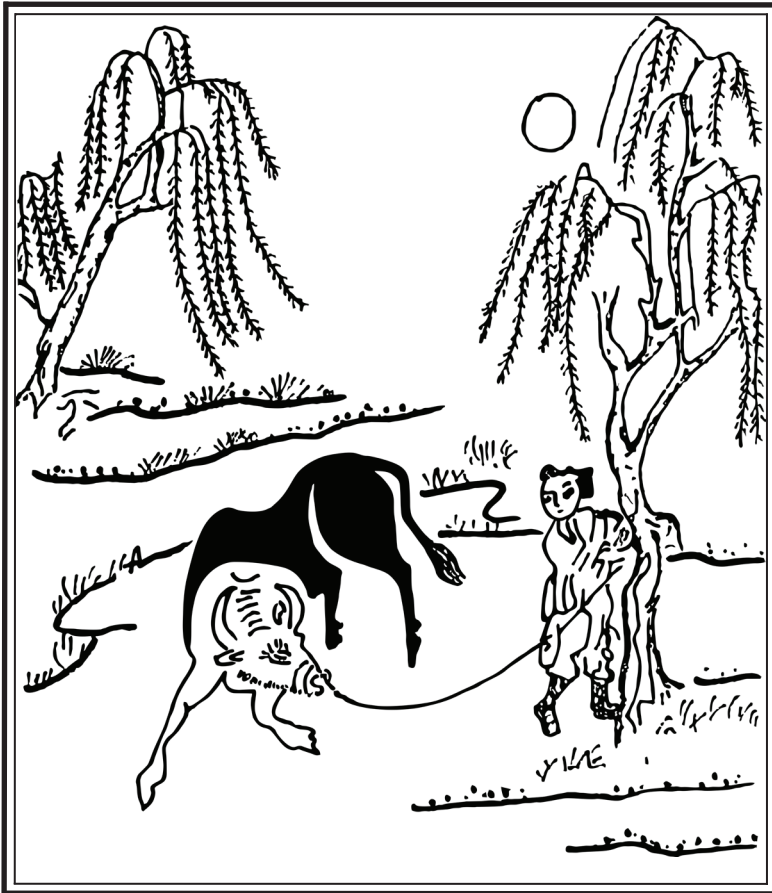
Mục đồng là chú bé chăn trâu, *chung nhật* là trọn ngày, *tự vong bì* là tự quên mệt nhọc. Nghĩa là mục đồng suốt ngày tự quên mệt nhọc.

Mục đồng điều phục trâu dần dần nó bớt chạy ngược chạy xuôi, chú cầm dây mũi dẫn trâu lội qua suối, xuyên qua mây. Mỗi bước mỗi bước trâu đều đi theo chú, chú đi đâu trâu theo đó. Tay chú vẫn cầm roi và nắm chặt dây vàm, không để phút giây lơ lửng, suốt ngày lo chăn giữ trâu quên cả mệt nhọc. Tu tới đây vọng niệm bớt chạy theo cảnh vật bên ngoài, song nó cứ khởi lên hoài, nên vẫn còn dụng công tu không dám lơ là và phải cố gắng luôn luôn.



Tranh Đại Thìa 4

QUÀY ĐẦU



回首 - Hòu thủ

Tranh vẽ trâu trắng khỏi cỏ, nó đã quay đầu lại nên dây vàm có phần lỏng đi, mục đồng cột nó vào gốc cây nghỉ ngơi cho bớt mệt nhọc. Mấy chặng qua rồi chưa được nghỉ, tới chặng này chú mới được nghỉ một chút.

Đến đây tâm bắt đầu thuận nhu dần, người dụng công tu cũng bắt đầu bớt nhọc sức.

Tụng:

日 久 功 深 始 轉 頭
 顛 狂 心 力 漸 調 柔
 山 童 未 肯 全 相 許
 猶 把 芒 繩 且 繫 留

*(Nhật cửu công thâm thủy chuyển đầu,
 Diên công tâm lực tiệm điều nhu,
 Sơn đồng vị khảng toàn tương hứa,
 Do bả mang thằng thả hệ lưu.)*

**Ngày lăm, công sâu chịu quay đầu,
 Lực tâm công loạn tạm điều nhu,
 Mục đồng chưa nhận là hoàn hảo,
 Nắm chặt dây vàm cột hẳn đây.**

Giảng:

Nhật cửu công thâm thủy chuyển đầu.

Nhật cửu là lâu ngày, *công thâm* là công dày, *thủy chuyển đầu* là mới quay đầu. Nghĩa là mục đồng ra sức chăn giữ đã lâu ngày trâu mới quay đầu.

Điên cuồng tâm lực tiệm điều nhu.

Điên cuồng tâm lực là tâm loạn sức ngang ngạnh, *tiệm điều nhu* là dần dần điều hòa nhu nhuyễn. Nghĩa là tâm điên loạn, sức cứng cõi buổi đầu đã được điều phục mềm dần.

Son đồng vị khăng toàn tương hứa.

Son đồng là bé chẵn trâu, *vị khăng* là chưa bằng lòng, *toàn tương hứa* là hoàn toàn bằng lòng nó. Nghĩa là mục đồng chưa hoàn toàn bằng lòng trâu.

Do bả mang thằng thả hệ lưu.

Do bả là vẫn cầm nắm, *mang thằng* là dây gai, *thả hệ lưu* là buộc giữ lại. Nghĩa là vẫn nắm dây gai buộc lại để giữ nó.

Đã lâu ngày mục đồng ra sức chẵn giữ, nhờ đây trâu mới chịu quay đầu. Tâm điên cuồng, sức ngang ngạnh của nó bây giờ đã được thuần hòa dần dần. Tuy vậy, mục đồng vẫn chưa nhận là hoàn hảo, chú vẫn còn cột dây mũi để chẵn giữ chưa thả nó đi tự do.

Nhờ công phu tu tập lâu ngày nên tâm thuần nhu dần, không phải nhọc nhằn kìm giữ hay quở nạt như trước, chỉ cần tỉnh giác nhìn thấy vọng niệm là vọng niệm tự lặng mất. Đó là do công phu tu đã sâu nên sức cuồng loạn của tâm tạm dừng. Song vọng niệm còn dấy khởi, nên vẫn phải thường xuyên tỉnh giác canh chừng không lơ lửng. Tu tới đây bớt nhọc nhằn, dụng công tu tập được nhẹ nhàng dần.

Mục 4 tuy chưa được nửa đường đã thấy hơi khỏe rồi. Mục 1, 2, 3 còn cực khổ nhọc nhằn chắn giữ. Tới mục 4 thì bớt nhọc, tuy nhiên vẫn còn phải cột dây, nghỉ chút chút. Ai tu tới mục này lâu lâu xin về nhà tôi cho, vì trâu đã cột nó không đi ăn lúa mạ, rảnh tay giây lát. Mấy mục trước thì không rảnh chút nào hết. Chưa rảnh, cho đi chơi sao được. Khi trâu còn đang ngang ngạnh chạy ngược chạy xuôi, mà người chắn muốn đi chơi không hợp lý chút nào hết. Khi biết rõ mình tu chưa tới đây thì khoan xin đi chơi. Ai tu tới đây thì một năm chỉ được đi một lần, chứ không được đi nhiều. Tu tới những mục sau mới khả dĩ cho đi tự do.



Tranh Đại Thìa 5

NGOAN NGOÃN



馴伏 – Thuận phục

Tranh thứ năm vẽ thân trâu đã trắng hai phần ba, mục đồng tháo dây mũi trâu cầm tay, thả cho trâu tự do, tuy nhiên tay chú vẫn còn cầm roi ngó chừng. Lúc này trâu đã thuần, chú đi trước trâu theo sau chứ không chạy càn chạy bậy nữa. Trâu đã trắng được hai phần ba, nên dù có đi tới lùm bụi cũng ít dính dơ. Lúc trước thì đen thui, nếu đi ra là nhuộm đen thêm nữa. Trâu lúc này đã ngoan ngoãn nên mục đồng được thanh thoi.

Người tu tới đây ít dụng công, cần nghĩ thì nghĩ, không cần nghĩ thì buông, không còn kìm chế khó khăn nữa, đã được nửa phần đường khá nhàn rồi.

Tụng:

綠 楊 陰 下 古 溪 邊
 放 去 收 來 得 自 然
 日 暮 碧 雲 芳 草 地
 牧 童 歸 去 不 須 牽

*(Lục dương âm hạ cổ Khê biên,
 Phóng khứ thu lai đắc tự nhiên,
 Nhật mộ bích vân phương thảo địa,
 Mục đồng quy khứ bất tu khiên.)*

**Dương xanh bóng mát tựa bờ khe,
 Kéo lại buông đi thấy nhẹ te,
 Mây biếc trời chiều cỏ thơm ngát,
 Mục đồng nhàn nhã vẫn theo về.**

Giảng:

Lục dương âm hạ cổ khê biên.

Lục dương là cây dương liễu xanh, *âm hạ* là dưới bóng mát, *cổ khê biên* là bên cạnh suối xưa. Nghĩa là mục đồng đứng chơi dưới bóng cây dương liễu xanh, bên bờ suối xưa.

Phóng khứ thu lai đắc tự nhiên.

Phóng khứ là thả ra, *thu lai* là bắt lại, *đắc tự nhiên* là được tự do, không bó buộc. Nghĩa là con trâu thả ra hay giữ lại, vẫn tự nhiên thoải mái.

Nhật mộ bích vân phương thảo địa.

Nhật mộ là mặt trời chiều, *bích vân* là mây xanh, *phương thảo địa* là chỗ cỏ thơm. Nghĩa là trời về chiều có mây xanh, cỏ thơm.

Mục đồng quy khứ bất tu khiên.

Mục đồng là chú bé chăn trâu, *quy khứ* là về lại, *bất tu khiên* là không cần dắt, kéo. Nghĩa là mục đồng đi về không còn nắm dây mũi dắt trâu.

Bên bờ suối xưa, dưới bóng mát của cây liễu xanh mục đồng đứng chơi, tay chú không còn giữ dây vàm để lôi kéo trâu. Bây giờ trâu đã trắng hai phần ba, đối với trâu chú thả ra hay giữ lại thoải mái không còn khó khăn nữa. Trời chiều mây xanh cỏ thơm, trâu theo mục đồng cùng trở về nhà.

Tu tới đây, lúc cần suy nghĩ thì suy nghĩ, lúc không cho suy nghĩ thì lặng lẽ. Muốn ngồi thiền thì ngồi thiền,

muốn đi thì đi, muốn dừng thì dừng, làm chủ tâm không khó khăn. Tu càng tiến thì tâm nhẹ nhàng thanh thoi, thấy người vật càng đẹp càng nên thơ. Người khi mới tu tâm còn điên đảo loạn động vì nhiều chấp nên phiền não, thấy cảnh vật u buồn, thấy người này khó người kia xấu, ai cũng làm mình phiền cả. Nhưng sự thật thì người này xấu, người kia khó làm mình phiền, hay là do tâm mình đang cuồng loạn ngang ngạnh, chạy đụng người này đụng người kia? Chính vì tâm mình xấu xa cố chấp nên thấy ai cũng xấu với mình cả. Nếu khéo điều phục tâm, buông xả mọi kiến chấp, không dính không kẹt với người với cảnh thì tâm thư thả an nhàn. Bấy giờ người theo đó tốt với mình, cảnh theo đó đẹp ra. Như vậy tâm mình cố chấp xấu xa thì người cảnh chung quanh cũng xấu xa, tâm mình không chấp an vui thì người cảnh chung quanh tốt đẹp. Tu tới chặng này thường cười ít quạu. Để thấy tu là chuyển nội tâm mình trở nên thanh tịnh tốt đẹp, chứ không phải chuyển cảnh vật bên ngoài theo ý mình.

Nhiều người mới vào chùa tu chưa thông lý này, thấy mọi người chung quanh ai cũng xấu với mình, trách huynh này ăn hiếp tôi, huynh kia khinh tôi, huynh nọ làm khó tôi... sao ai cũng đụng chạm với tôi. Có biết tại sao ai cũng đụng chạm với mình không? Tại vì tâm mình cứ ngang ngạnh đụng chạm với người, tránh sao khỏi bị người đụng lại. Vì thế mà thấy chung quanh mình, người cảnh toàn là gai góc xấu xa.

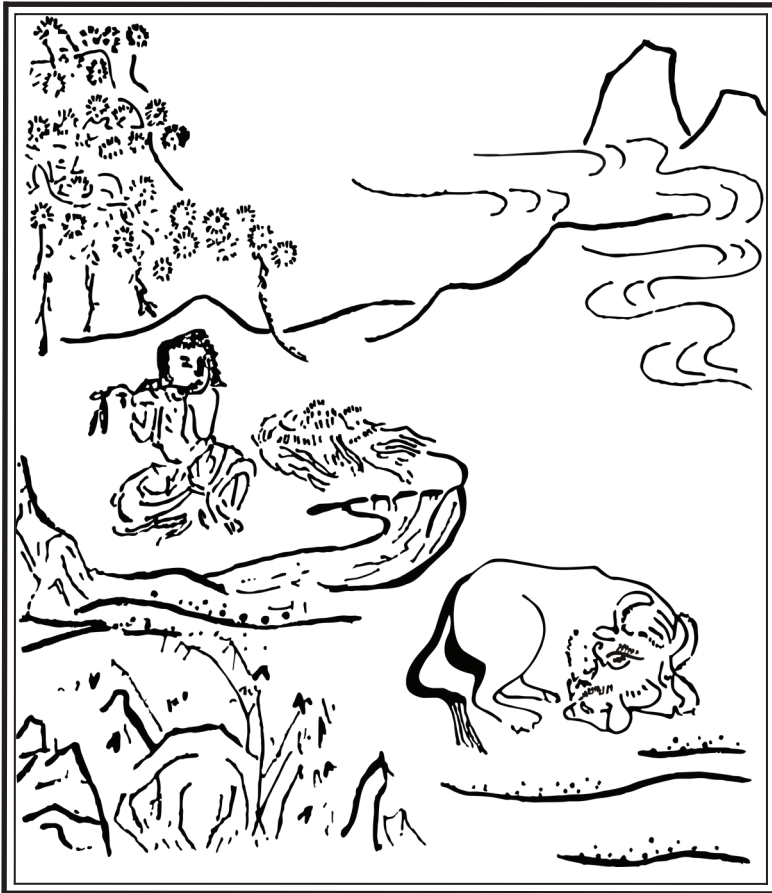
Nên nhớ, lúc thấy người cảnh gai góc xấu xa là lúc tâm mình đang loạn động, phải nỗ lực điều phục cho an. Tu tiến được bước nào thì cảnh chuyển theo bước đó, cảnh không có tốt xấu, do tâm mình loạn động nên thấy có tốt xấu.

Tu tới đây đã được nửa đường, mới nửa đường mà đã bớt cực rồi. Chặng một, hai, ba thì gian nan, chặng bốn, năm thì thanh thoi, tới chặng sáu thì khỏe vô cùng.



Tranh Đại Thừa 6

KHÔNG NGẠI



無礙 - Vô ngại

Tranh thứ sáu vẽ mục đồng ngồi trên tảng đá thổi sáo, còn trâu thì nằm ngoẻo dưới đất ngủ. Toàn thân trâu trắng hết, chỉ còn cái đuôi đen thôi. Lúc này mục đồng thật nhàn nhã, ngồi thổi sáo chơi mà trâu cũng tự an, không chạy đi đâu nữa.

Hình ảnh này chỉ cho người tu khi tâm an nhiên lặng lẽ thì khỏi phải dụng công tìm chế, đó là lúc thanh thoi. Tu tới đây thì khá nhàn.

Tụng:

露地安眠意自如
不勞鞭策永無拘
山童穩坐青松下
一曲昇平樂有餘

*(Lộ địa an miên ý tự như,
Bất lao tiên sách vĩnh vô câu,
Sơn đồng ổn tọa thanh tùng hạ,
Nhất khúc thăng bình lạc hữu dư.)*

**Đất trống ngủ yên ý tự an,
Chẳng cần roi mũi mãi thanh nhàn,
Tùng xanh dưới gốc mục đồng nghỉ,
Một bản thăng bình rất hân hoan.**

Giảng:

Lộ địa an miên ý tự như.

Lộ địa là đất trống, *an miên* là ngủ ngon, *ý tự như* là ý an ổn như như. Nghĩa là trâu thả nhiên nằm ngủ dưới đất trống.

Bất lao tiên sách vĩnh vô câu.

Bất lao là chẳng nhọc, *tiên sách* là dây roi, *vĩnh vô câu* là hằng không câu thúc. Nghĩa là chẳng nhọc dây roi để câu thúc.

Sơn đồng ổn tọa thanh tùng hạ.

Sơn đồng là chú bé chặn trâu, *ổn tọa* là ngồi yên, *thanh tùng hạ* là dưới tùng xanh. Nghĩa là mục đồng ngồi yên dưới cội tùng xanh.

Nhất khúc thăng bình lạc hữu dư.

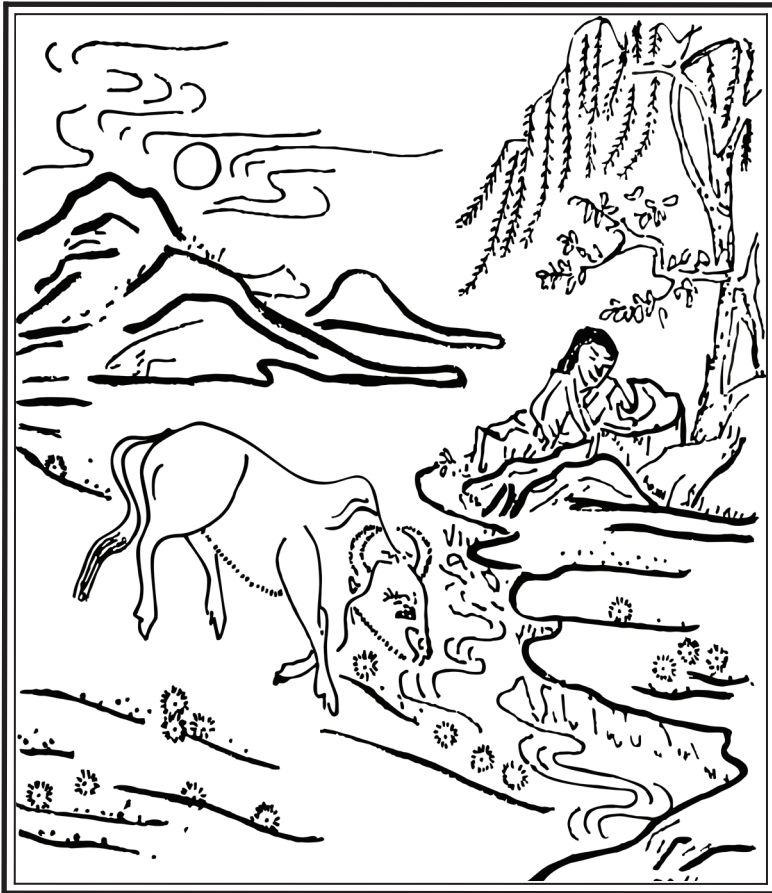
Nhất khúc thăng bình là một bản nhạc tên thăng bình, *lạc hữu dư* là vui có thừa. Nghĩa là thổi bản nhạc thanh bình rất vui.

Trâu thần nhiên nằm ngủ dưới đất trống, không còn bị dây roi câu thúc kìm chế nữa. Dưới cội tùng xanh mục đồng ngồi chơi thổi khúc nhạc thanh bình, vui thật là vui. Tu tới khi tâm an nhiên lặng lẽ, khỏi phải dụng công kìm chế, lúc đó thanh thoi nhàn hạ vô cùng.



Tranh Đại Thừa 7

THA HỒ



任運 - Nhậm vận

Tranh vẽ mục đồng mặc tình nằm ngủ trên tảng đá, con trâu lúc nào cũng hướng về chú, toàn thân trâu đã trắng, chỉ còn chót đuôi đen thôi, mục đồng ở đâu thì trâu ở đó.

Người tu tới đây không còn dụng công, tùy duyên nhậm vận, không còn để ý điều phục tâm mà tâm tự điều phục, tức là không còn ý ngăn ngừa mà tâm tự an ổn, tùy thời đói ăn khát uống, không lo không buồn. Ảnh biểu trưng lý này là mục đồng thanh thoi, nằm ngủ không sợ mất trâu.

Tụng:

柳 岸 春 波 夕 照 中
淡 烟 芳 草 綠 茸 茸
饑 餐 渴 飲 隨 時 過
石 上 山 童 睡 正 濃

*(Liễu ngạn xuân ba tịch chiếu trung,
Đạm yên phương thảo lục nhung nhung,
Cơ xan khát ẩm tùy thời quá,
Thạch thượng sơn đồng thùy chánh nùng.)*

**Bờ liễu hồ xuân tịch chiếu trung,
Khói mờ cỏ tốt đẹp như nhung,
Đói ăn khát uống tùy thời đấy,
Bàn thạch mục đồng ngủ thật ngon.**

Giảng:

Liễu ngạn xuân ba tịch chiếu trung.

Liễu ngạn là bờ liễu, *xuân ba* là sóng xuân, *tịch chiếu trung* là trong tịch mà chiếu. Nghĩa là bờ liễu xanh lặng lẽ mà hồ xuân gợn sóng phản chiếu ánh sáng.

Đạm yên phương thảo lục nhung nhung.

Đạm yên là khói mờ, *phương thảo* là cỏ thơm, *lục nhung nhung* là màu xanh cỏ non. Nghĩa là khói mờ cỏ thơm màu xanh non.

Cơ xan khát ẩm tùy thời quá.

Cơ xan là đói ăn, *khát ẩm* là khát uống, *tùy thời quá* là theo thời gian qua đi. Nghĩa là đói ăn khát uống tùy thời qua.

Thạch thượng sơn đồng thùi chánh nùng.

Thạch thượng là trên tảng đá, *sơn đồng* là chú chăn trâu, *thùu chánh nùng* là ngủ say sưa. Nghĩa là trên tảng đá mục đồng ngủ say sưa.

Bờ liễu xanh thì lặng lẽ mà hồ xuân lại gợn sóng phản chiếu ánh sáng, có khói mờ, cỏ thơm màu xanh non đẹp như nhung. Mục đồng tùy thời đói thì ăn, khát thì uống, rồi ngủ một giấc say sưa trên tảng đá.

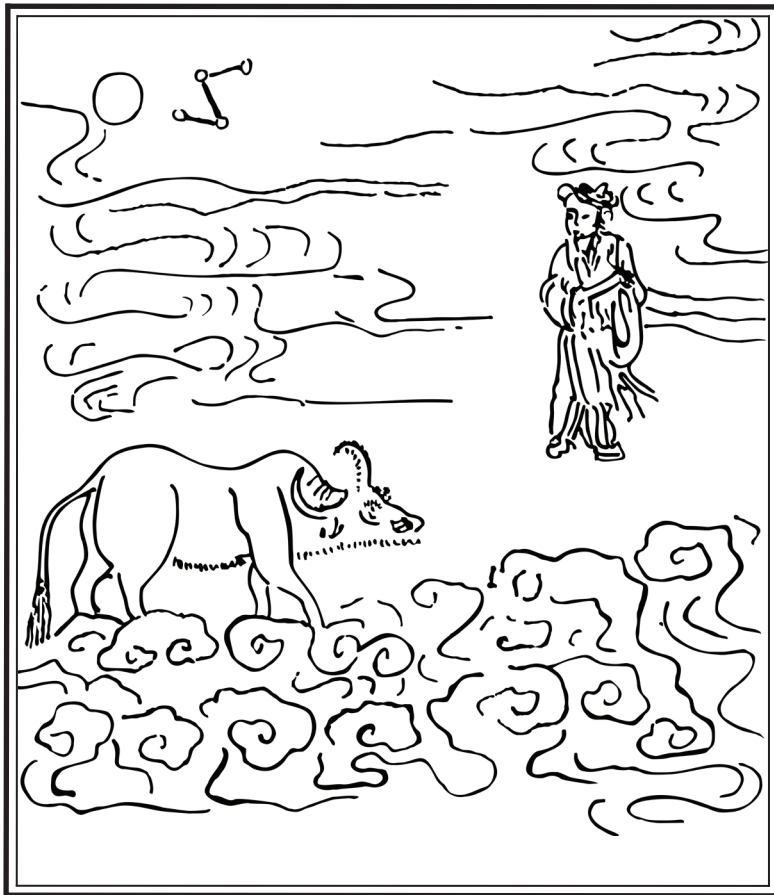
Tu tới giai đoạn tâm lặng lẽ mà hằng sáng soi thì không còn dụng công tu tập nữa, nhìn thấy cảnh vật rất nên thơ đẹp dễ. Lúc bấy giờ thì tùy thời đói ăn, khát uống, mệt ngủ, không bận lòng với thế sự. Cô Linh Chiếu tu đến chỗ này, nên khi cha cô là Bàn Uẩn nói:

“Nan nan nan, thập tạ du ma thọ thượng than”, nghĩa là “Khó khó khó, cây cao vượt mười tạ dầu mè”, quá trơn, nắm tới cây là tuột, leo không được, tu khó như vậy đó. Bà Bàng Uẩn nói: “Dị dị dị, bách thảo thượng đầu Tổ sư ý”, tức là “Dễ dễ dễ, ý Tổ sư tràn ngập trên đầu trăm cỏ”, tu chẳng có gì khó cả. Đồng tu mà ông thì thấy khó, bà thì thấy dễ, cô Linh Chiếu trung dung nói: “Dã bất dị, dã bất nan, cơ lai khiết phạm khôn lai thù”, nghĩa là “Cũng chẳng dễ, cũng chẳng khó, đói đến thì ăn một ngụm khò”, cô tu đến bức tranh thứ bảy, nên cô nói như thế. Nếu chúng ta tu tới mục thứ 1 hay thứ 2 mà cứ đói ăn một ngụm thì ăn đòn. Lúc mới tu tâm còn lằng xằng lộn xộn, cần phải gìn giữ kìm chế mà đòi đói ăn, một ngụm là buông lung, cần phải răn phạt. Người tu tới nơi, nói đúng chỗ của mình thì hay; còn người học hiểu nhưng không tu, nói không đúng chỗ của mình thì dở. Với người thật tu, tới rồi mới nói. Nếu chưa tới mà nói là bất chước nói suông, có lỗi đáng trách.



Tranh Đại Thừa 8

CÙNG QUÊN



相忘 - Tương vong

Tranh vẽ mục đồng đứng một nơi, trâu đứng một nơi, toàn thân trâu từ đầu đến đuôi đã trắng, không còn chỗ nào đen. Trâu không nghĩ tới mục đồng, mục đồng cũng không nghĩ tới trâu. Hai bên đều quên nhau.

Hình ảnh mục đồng và trâu đứng mỗi nơi quên nhau, chỉ cho người tu tới chỗ vô tâm, tự tại vô ngại. Tuy tâm và mình chưa nhập một, nhưng cái hai đó vẫn thanh thoi.

Tụng:

白牛常在白雲中
 人自無心牛亦同
 月透白雲雲影白
 白雲明月任西東

*(Bạch ngưu thường tại bạch vân trung,
 Nhân tự vô tâm ngưu diệc đồng,
 Nguyệt thấu bạch vân vân ảnh bạch,
 Bạch vân minh nguyệt nhậm tây đông.)*

Bạch ngưu thường tại mây trắng nằm,
 Người tự không tâm trâu cũng đồng,
 Mây trắng trăng soi bóng càng trắng,
 Trăng trong mây trắng tự tây đông.

Giảng:

Bạch ngưu thường tại bạch vân trung.

Bạch ngưu là trâu trắng, *thường tại* là thường ở, *bạch vân trung* là trong mây trắng. Nghĩa là trâu trắng thường ở trong mây trắng.

Nhân tự vô tâm ngư diệc đồng.

Nhân tự vô tâm là người tự vô tâm, *ngư diệc đồng* là trâu cũng đồng. Nghĩa là người tự vô tâm trâu cũng vô tâm.

Nguyệt thấu bạch vân vân ảnh bạch.

Nguyệt thấu là trăng trong suốt, *bạch vân* là mây trắng, *vân ảnh bạch* là bóng mây trắng. Nghĩa là trăng rọi suốt mây trắng nên bóng mây cũng trắng.

Bạch vân minh nguyệt nhậm tây đông.

Bạch vân là mây trắng, *minh nguyệt* là trăng sáng, *nhậm tây đông* là mặc đông tây. Nghĩa là trăng sáng mây trắng mặc tình qua đông hay qua tây.

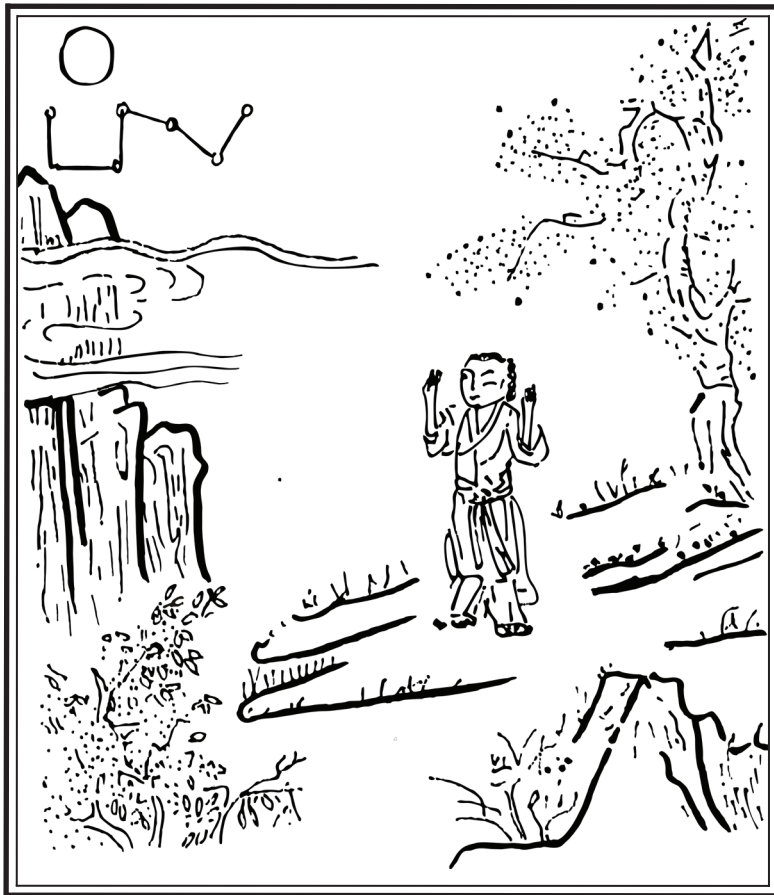
Con trâu trắng thường nằm ở trong mây trắng, người đã vô tâm trâu cũng vô tâm. Trăng sáng soi qua mây trắng, bóng mây hiện vẫn là màu trắng. Trăng trong, mây trắng tự nó qua đông, qua tây, không ngăn ngại.

Người tu khi đã vô tâm tức là tâm thanh tịnh thì ngoại vật chung quanh cũng thanh tịnh. Lúc bấy giờ đối duyên xúc cảnh tự tại vô ngại. Đây mượn hình ảnh trăng trong mây trắng, để nói lên trạng thái vô tâm tự tại vô ngại.



Tranh Đại Thừa 9

RIÊNG SOI



獨照 – Độc chiếu

Tranh vẽ trâu đã mất, mục đồng đứng một mình vỗ tay ca hát. Vì trâu không còn, nên chăn cũng không thành chăn, chỉ còn một người vui ở trong bầu trời trong có trăng sáng.

Tu tới đây tâm không còn thấy năng sở đối đãi nhau, không còn thấy có tâm vọng để điều phục, tự an vui.

Tụng:

牛兒無處牧童閑
一片孤雲碧障間
拍手高歌明月下
歸來猶有一重關

*(Ngưu nhi vô xứ mục đồng nhàn,
Nhất phiến cô vân bích chương gian,
Phách thủ cao ca minh nguyệt hạ,
Quy lai do hữu nhất trùng quan.)*

**Con trâu đã mất mục đồng nhàn,
Một mảnh mây đơn chắn không gian,
Vỗ nhịp hát ca dưới trăng sáng,
Trở về còn có một cổng ngang.**

Giảng:

Ngưu nhi vô xứ mục đồng nhàn.

Ngưu nhi vô xứ là con trâu không ở chỗ nào, *mục đồng nhàn* là mục đồng thanh thoi. Nghĩa là trâu không còn, mục đồng thanh thoi.

Nhất phiến cô vân bích chướng gian.

Nhất phiến là một mảnh, *cô vân* là mây đơn, *bích chướng gian* là che khoảng trời xanh. Nghĩa là một mảnh mây nhỏ vắt ngang qua trời xanh.

Phách thủ cao ca minh nguyệt hạ.

Phách thủ là vỗ tay, *cao ca* là hát to, *minh nguyệt hạ* là dưới trăng sáng. Nghĩa là vỗ tay ca hát lớn dưới trăng sáng.

Quy lai do hữu nhất trùng quan.

Quy lai là trở lại, *do hữu* là vẫn có, *nhất trùng quan* là một lớp cửa. Nghĩa là trở về còn có một lớp cổng.

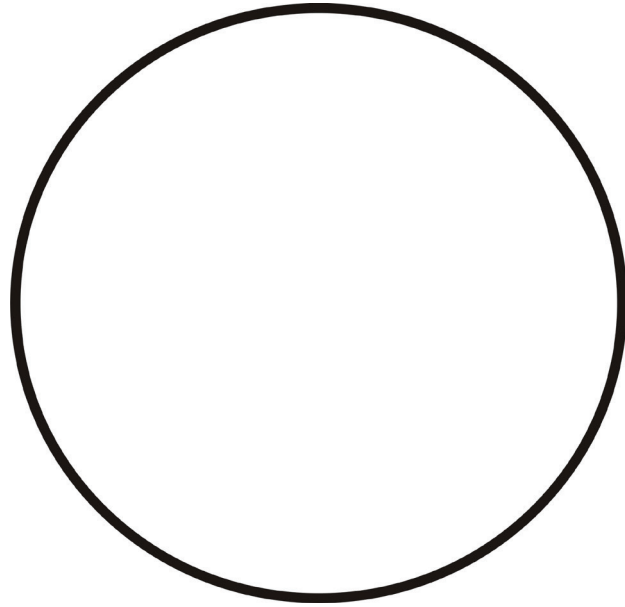
Trâu không còn, mục đồng rất thanh thoi nhàn hạ. Bấy giờ bầu trời xanh chỉ có một mảnh mây nhỏ vắt ngang qua, mục đồng vỗ tay hát to dưới bầu trời trong trăng sáng. Trên đường trở về nhà vẫn còn một lớp cổng chưa vượt qua.

Tới đây không còn thấy có tâm vọng hay tâm chân để điều phục, đã tới chỗ không hai. Tuy không còn thấy hai bên đối đãi, nhưng vẫn chưa phải xong việc, vì còn một lớp cổng sau cùng, đó là lao quan phải qua.



Tranh Đại Thừa 10

DỨT CẢ HAI



雙泯 – Song Dẫn

Tranh vẽ một vòng tròn trắng, không trâu không người chăn. Lý đạo tới chỗ ngã pháp đều vong thì thể tánh thanh tịnh sáng suốt viên mãn. Vòng tròn trắng tượng trưng cho tánh viên giác tròn sáng. Các thiền sư gửi thư cho nhau, nói đến chỗ giác ngộ viên mãn chỉ vẽ một vòng tròn, không viết thêm một chữ, không nói thêm một lời.

Tụng:

人牛不見杳無縱
 明月光寒萬象空
 若問其中端的意
 野花芳草自叢叢

*(Nhân ngư bất kiến yếu vô tung,
 Minh nguyệt quang hàn vạn tượng không,
 Nhược vấn kỳ trung đốn đích ý,
 Dã hoa phương thảo tự tùng tùng.)*

**Người trâu chẳng thấy, dấu đều không,
 Bàng bạc ánh trắng muôn tượng vong,
 Muốn hỏi trong kia đâu ý chánh,
 Hoa đồng cỏ nội chẳng ai trông.**

Giảng:

Nhân ngư bất kiến yếu vô tung.

Nhân ngư là người trâu, *bất kiến* là chẳng thấy, *yếu vô tung* là mờ mịt không dấu vết. Nghĩa là chẳng thấy vết tích người và trâu.

Minh nguyệt quang hàn vạn tượng không.

Minh nguyệt là trăng sáng, *quang hàn* là sáng lạnh, *vạn tượng không* là không còn hình tượng. Nghĩa là trăng sáng lặng lẽ, không còn một hình tượng nào.

Nhược vấn kỳ trung đoan đích ý.

Nhược vấn là nếu hỏi, *kỳ trung* là trong đó, *đoan đích ý* là ý chánh ngay thẳng. Nghĩa là nếu hỏi ý chánh trong đó.

Dã hoa phương thảo tự từng từng.

Dã hoa là hoa đồng, *phương thảo* là cỏ thơm, *tự từng từng* là tự nó rậm rạp. Nghĩa là hoa đồng cỏ thơm tự nó rậm rạp xanh tươi.

Người không còn, trâu cũng mất, dấu vết cũng không, chỉ có ánh trăng sáng bàng bạc cả bầu trời lạnh, không có một hình bóng nào của vạn vật cả. Nếu hỏi, ý chánh Phật pháp, trong ấy là ý gì? Trả lời, chỉ là hoa đồng, cỏ thơm, tự nó rậm rạp xanh tươi. Không ai phí công trông trọt, mọi vật đều sẵn vậy.

Tu tới chỗ ngã pháp đều không thì hoàn toàn thanh tịnh sáng suốt. Chỗ này ngôn ngữ không thể diễn tả, ý nghĩ không thể suy lường, vì không có một vật để hình dung, để diễn tả.

Bình luận:

Trong việc tiến tu, mười bức tranh chẵn trâu Thiên tông cũng như Đại thừa cho chúng ta thấy giai đoạn nào là khổ công nhọc sức, giai đoạn nào là nhàn hạ thanh thoi, giai đoạn nào là viên mãn công phu, đó là điều

rất quan trọng. Vì đa số người đang tu mà không biết mình tu tới đâu, ở vị trí nào. Nếu không biết mình tu tới đâu, ở vị trí nào thì sẽ vấp ba lỗi: Lỗi thứ nhất là dễ chán nản thối tâm Bồ-đề. Lỗi thứ hai là tu dở tưởng mình tu cao, nói khoác lác theo lời của chư tổ, bị sa đọa. Lỗi thứ ba là không biết tu ở giai đoạn nào cực, ở giai đoạn nào vui, khi được hỏi thì trả lời không đúng, khiến cho người tìm học hoang mang mất lòng tin.

Mục thứ 1, 2, 3 tượng trưng con trâu đang hoang dại sải chân chạy, mục đồng thấy trâu nhử, nó cứ ngóng cổ chạy không ngó lại. Đó là giai đoạn mục đồng muốn bắt và xỏ mũi trâu, nhưng trâu đang nghênh ngang sừng bén sức mạnh, xỏ được mũi nó khó nhọc đắng cay vô cùng. Khi xỏ mũi được rồi, trâu mạnh mục đồng yếu, trâu lôi chú chạy vào rừng rú, vào cây cối đầy gai góc. Trâu lôi chú, chú lôi trâu, nhưng nhằng trong rừng bụi nên chú mệt lả. Song chú vẫn nỗ lực ghì kéo đánh đập để cho nó chịu thua quay đầu lại, thật là gian nan. Khi trâu bắt đầu chịu thua, đi theo thì chú bớt khổ bớt mệt. Tuy trâu đi theo chú, nhưng tánh hoang dã vẫn còn. Vì vậy dây mũi chú vẫn nắm chặt, cây roi cũng không dám rời. Thế nên mục đồng vẫn chưa được nhàn rồi, cũng còn phải cố gắng và cực khổ với nó, chăm chăm theo dõi không dám lơ lửng. Nếu lơ lửng là nó quay đầu chạy đi nơi khác. Nhờ chăn giữ lâu ngày trâu bớt hoang dại, nó đi theo mục đồng, chú cột nó dưới gốc cây, lúc đó chú mới được thanh thoi chốc lát. Khi trâu đã thuần, không cần dây roi kìm chế, tự nó đi theo mục đồng, chú ở đâu nó theo đó. Có khi trâu nằm ngủ chú cũng thanh thoi ngời thoải sáo, hát ca vui khúc trở về.

Trên đường tu, biết rõ giai đoạn đầu là giai đoạn gay cán gian nan nhất, nên phải tận lực để khắc phục những tập khí bất thiện mê mờ, đã từ lâu dẫn mình đi trong luân hồi sanh tử. Nếu ở giai đoạn đầu mà không nỗ lực, cứ lừng khừng buông trôi thì chắc chắn không tiến. Khi thắng được tập khí hư hèn rồi, chừng đó mới thanh nhàn, tâm hân hoan nhìn xem hoa thơm cỏ lạ, mây trắng trời trong. Trạng thái thanh nhàn tự tại mà chúng ta có, chúng ta phải trả một giá rất đắt, bằng những năm tu tập cay đắng nhọc nhằn. Tuy phải trả một giá rất đắt, nhưng kết quả xứng đáng gấp trăm ngàn lần cái giá đã trả. Đối với người tu, mới nhìn qua hoặc thấy khổ hoặc thấy sướng thì không đúng. Mục đích tu là cầu an vui vĩnh viễn thì lúc đầu phải khổ nhọc tu. Cũng như người đời muốn có tài, có địa vị giàu sang sung sướng thì trước phải đi học. Giai đoạn đi học phải chịu cực thức khuya dậy sớm để học mới có tài, có danh vị và được giàu sang sung sướng. Ở ngoài đời cũng như ở trong đạo, muốn thành công một việc lớn, trước phải vững chí vượt qua những khó khăn gian khổ rồi sau mới sung sướng. Do đó tổ Hoàng Bá nói:

*Vượt khỏi trần lao việc chẳng thường,
Đầu dây nắm chặt giữ lập trường.
Chẳng phải một phen xương lạnh buốt,
Hoa mai đâu dễ ngửi mùi hương.*

Không chịu lạnh rét của mùa đông, mà đòi ngửi mùi thơm của hoa mai thì không bao giờ được. Thế nên, tu ở giai đoạn đầu là phải khép mình vào quy củ, phải nỗ lực tu hành. Mới nhìn qua thấy như khó khổ, song chính sự kham chịu đó là công phu trui rèn cho tâm vững mạnh,

để điều phục thói quen hư dở hoang cuồng của mình. Hiểu như vậy mới biết được cảnh nào là cảnh giúp cho mình tiến, cảnh nào là cảnh làm cho mình thoái, để khỏi phí công vô ích một đời tu.

Học tranh chăn trâu, từ mục thứ 1, 2, 3 chúng ta có được bản đồ tu tập, biết rõ bước đầu phải qua những giai đoạn gian lao khó nhọc, rồi thì từng bước tiến sau được nhẹ nhàng. Mục thứ 4 đến mục thứ 7, trâu thuần thực thân nó trắng dần. Trâu trắng thì cảnh theo đó mà đẹp, trâu trắng bao nhiêu thì cảnh đẹp bấy nhiêu. Những vị tu đến giai đoạn này thì không còn muốn sanh về Cực lạc ở phương Tây nữa, vì tâm rất thanh tịnh, ngoại cảnh lại nên thơ đẹp đẽ, không có cái gì có thể làm bức xúc, làm buồn bực được. Chính hiện tại là Cực lạc, là Niết-bàn. Thực tế của sự tu là tự thắng mình, mà thắng được mình rồi thì mọi cảnh được như ý, được như ý tức là tâm cảnh như như, tâm cảnh như như thì diệu dụng bất tư nghì, đối duyên xúc cảnh tâm tự tại vô ngại. Chúng ta nên nhớ, trên đường tu, đoạn đầu phải qua những bước gay go khó khổ, rồi mới tới đoạn sau là những bước nhẹ nhàng xán lạn. Mới tu mà đòi nhàn nhã liền thì không được, vì bước đầu là bước phải hết sức chiến đấu với mình. Khi thắng được mình rồi thì tâm thanh tịnh, thấy người thấy cảnh tốt đẹp, nên thơ, chừng đó mới được thanh nhàn.

Học tranh chăn trâu, chúng ta biết được đang tiến tới đâu, ở vị trí nào. Nhờ biết rõ vị trí của mình, nên tránh được lỗi được ít nói nhiều. Như cô Linh Chiếu nói “đói ăn mệt ngủ” là cô đã tới mục thứ 7, còn người thời nay tu chỉ tới mục thứ 1, thứ 2 mà nói đói ăn mệt ngủ là không hợp thời, không đúng chỗ, nói như thế là họa.

Đang ở giai đoạn phải nỗ lực để điều phục tâm ngưng nghênh cuồng loạn của mình, mà đòi đói ăn mệt ngủ thì tha hồ chạy ngược chạy xuôi. Tâm chạy thì mất mình, cứ đi tìm kiếm, suốt đời tu hành không được kết quả tốt. Học tranh chần trâu rồi, mình tu tiến ở chặng nào là biết ở chặng đó. Như chúng ta tu qua được chặng một, hai, ba, còn bảy chặng nữa phải cố gắng vươn lên, không thể chần chờ, vì biết những chặng sau này thanh nhàn, an vui đầy hoa thơm cỏ lạ. Đó là nhờ biết được vị trí của mình nên biết chỗ đã qua không lằm và biết chỗ mình chưa đến để cố gắng. Như vậy sự học mới có lợi ích.

Lỗi kế nữa là được ít nói nhiều. Ngày nay có lắm người học lóm, lượm lặt những lời nói hay của Phật tổ đem ra dạy đời và chê cười người, trong khi đó họ tu chưa tới đâu. Chẳng hạn câu “đói ăn mệt ngủ” của cô Linh Chiếu, có một số người tu trẻ, nói liền miệng. Những người nói đó là những người mới tu đang còn ở chặng một, chặng hai. Họ là những người lằm lằm, tự dối mình mà không tự biết, lại khinh chê người chuyên cần tu học là kìm cọng, nhọc sức phí công vô ích. Mới tu, tâm còn đang nhảy nhót như khỉ vượn mà không nhọc sức gìn giữ kìm chế sao được! Những người nói đó tự mình tu chẳng ra chi, mà dùng lời của người đã đạt đạo để chê trách người chăm chỉ tu hành. Họ mắc phải bệnh kiêu mạn khinh người rất nặng, chẳng những họ tự hại mà còn làm hại người khác, tội lỗi vô cùng.

Thấy trâu là nhận ra tâm thể chân thật có sẵn nơi sáu căn, ở nơi mắt thấy là tánh thấy, ở nơi tai nghe là tánh nghe... Nếu người tu thiên tu tới những mục này thì có thể làm thiện tri thức, để hướng dẫn người khác tu.

Ở pháp hội tổ Quy Sơn, một hôm có một thiên khách tới tham vấn. Tổ hỏi:

- Ông tên gì?

Thiên khách đáp:

- Con tên Quy Chơn.

- Quy chơn ở chỗ nào?

Thiên khách sửng sốt không đáp được, bèn xuống núi, dọc đường gặp ngài Huệ Tịch đang chăn trâu dưới sườn núi, hỏi:

- Thượng tọa sao không lưu lại trong núi?

Thiên khách đáp:

- Chỉ vì nhân duyên chẳng hợp.

- Có nhân duyên gì thử nói xem?

- Hòa thượng hỏi tôi tên gì, tôi đáp Quy Chơn. Hòa thượng hỏi quy chơn ở đâu, tôi không đáp được.

- Thượng tọa trở lên thưa với Hòa thượng con nói được, Hòa thượng hỏi thế nào, chỉ đáp trong mắt, trong tai, trong mũi...

Thiên khách trở lên núi nói đúng như Sư dạy. Tổ Quy Sơn quở:

- Kẻ nói suông vô ích, đây là lời thiện tri thức của năm trăm người.

Qua câu chuyện đó chúng ta thấy thế nào? Biết được chỗ quy chơn là thiện tri thức của năm trăm người. Tại sao ngang đó được làm thiện tri thức? Vì trên đường tu, ngoài việc cầu giải thoát, chúng ta còn có trách nhiệm

hướng dẫn người sau, nếu chúng ta không biết cái nào là chân, cái nào là giả thì làm sao hướng dẫn người tu! Bây giờ mình đã biết cái chân thật để trở về, ai chưa từng biết mình có quyền chỉ cho họ biết. Tuy mình trở về chưa tới nơi, song đã biết đường về thì cứ chỉ. Như người lạc lối trong rừng, khi biết đường về nhà thì cứ kêu bạn bè để chỉ đường cùng về.

Thiền tông nói kiến tánh là nhận ra tánh chân thật thì có thể làm thiện tri thức cho người. Hiểu như vậy mới thấy con đường của chư tổ đi. Có những vị tổ tuy là thiện tri thức của mọi người, nhưng các ngài cũng còn đang tu, chẳng hạn như ngài Triệu Châu nói “ba mươi năm chỉ hai thời cơm cháo mới đầy niệm”. Như vậy khi làm thiện tri thức ngài cũng còn đang tu, chứ không phải tu rồi mới làm thiện tri thức. Tuy chưa đến nơi, nhưng đã thấy đường về, những người khác chưa thấy, nên mình chỉ cho họ thấy, đó là thiện tri thức chứ gì? Hiểu như vậy thì không thắc mắc về việc vừa tiến tu, vừa giáo hóa. Có nhiều người thấy tôi dạy tu thiền, hỏi tôi đã chứng quả viên mãn chưa mà dám ra dạy? Tôi trả lời, chứng quả thì không, nhưng tôi là người thấy đường về, nên chỉ cho người cùng đi vậy thôi. Tôi trả lời như thế, họ cho là quá tầm thường, chưa chứng quả mà dám dạy tu. Đây là những điều nên biết, nếu sau này có hướng dẫn người tu, hay có ai vấn nạn thì không lúng túng.

